

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
núi Khay Chè	SV	xã Chiềng Hắc	H. Mộc Châu	20° 56' 18"	104° 33' 57"							F-48-78-A
núi Ngựa Ranh Giới	SV	xã Chiềng Hắc	H. Mộc Châu	20° 57' 03"	104° 30' 42"							F-48-78-A
bản Pá Phang	DC	xã Chiềng Hắc	H. Mộc Châu	20° 53' 27"	104° 33' 48"							F-48-78-A
núi Pha Mon	SV	xã Chiềng Hắc	H. Mộc Châu	20° 52' 52"	104° 29' 28"			20° 54' 39"	104° 28' 26"	20° 54' 59"	104° 28' 47"	F-48-77-B
suối Phay	TV	xã Chiềng Hắc	H. Mộc Châu									F-48-77-B
bản Piềng Lán	DC	xã Chiềng Hắc	H. Mộc Châu	20° 53' 09"	104° 33' 13"			20° 53' 24"	104° 33' 18"	20° 55' 10"	104° 28' 40"	F-48-78-A, F-48-77-B
suối Sập	TV	xã Chiềng Hắc	H. Mộc Châu									F-48-78-A
bản Ta Niết	DC	xã Chiềng Hắc	H. Mộc Châu	20° 54' 05"	104° 30' 59"							F-48-78-A
bản Tả Sở	DC	xã Chiềng Hắc	H. Mộc Châu	20° 56' 36"	104° 33' 14"							F-48-78-A
bản Tán Thuật	DC	xã Chiềng Hắc	H. Mộc Châu	20° 54' 47"	104° 29' 21"							F-48-77-B
bản Tát Ngưỡng	DC	xã Chiềng Hắc	H. Mộc Châu	20° 53' 07"	104° 34' 16"							F-48-78-A
bản Tây Hưng	DC	xã Chiềng Hắc	H. Mộc Châu	20° 53' 54"	104° 33' 16"							F-48-78-A
bản Tong Hân	DC	xã Chiềng Hắc	H. Mộc Châu	20° 53' 34"	104° 32' 57"							F-48-78-A
bản Cang	DC	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu	20° 50' 06"	104° 27' 13"							F-48-77-B
bản Càng Ty	DC	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu	20° 47' 19"	104° 28' 02"							F-48-77-B
suối Co Păm	TV	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu					20° 50' 53"	104° 30' 46"	20° 50' 50"	104° 32' 08"	F-48-78-A
suối Đan	TV	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu					20° 47' 24"	104° 28' 09"	20° 49' 02"	104° 28' 50"	F-48-77-B
núi Đầy Hưn	SV	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu	20° 51' 51"	104° 30' 58"							F-48-78-A
núi Đin Tách	SV	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu	20° 51' 07"	104° 30' 59"							F-48-78-A
suối Đon	TV	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu					20° 49' 02"	104° 28' 50"	20° 50' 04"	104° 27' 17"	F-48-77-B
suối Giảng	TV	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu					20° 48' 02"	104° 25' 17"	20° 49' 57"	104° 27' 03"	F-48-77-B
pu Khem	SV	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu	20° 51' 51"	104° 31' 34"							F-48-78-A
suối Khừa	TV	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu					20° 50' 04"	104° 27' 17"	20° 50' 58"	104° 30' 36"	F-48-77-B, F-48-78-A
bản Khừa	DC	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu	20° 50' 18"	104° 27' 18"							F-48-77-B
suối Khừa	TV	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu					20° 49' 57"	104° 26' 31"	20° 49' 57"	104° 27' 03"	F-48-77-B
pa Mưong	SV	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu	20° 52' 17"	104° 30' 26"							F-48-78-A
bản Ông Lý	DC	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu	20° 52' 09"	104° 29' 30"							F-48-77-B
núi Pá Chiềng	SV	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu	20° 50' 30"	104° 28' 04"							F-48-77-B
núi Pa Trán	SV	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu	20° 49' 57"	104° 31' 58"							F-48-78-A
núi Pa Xăng	SV	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu	20° 50' 49"	104° 26' 13"							F-48-77-B
bản Phách	DC	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu	20° 50' 03"	104° 26' 32"							F-48-77-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối			
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)		
suối Sa Lồ	TV	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu								F-48-77-B
suối Săng	TV	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu								F-48-77-B
núi Ten Phách	SV	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu	20° 49' 50"	104° 27' 06"						F-48-77-B
núi Tiên Pan	SV	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu	20° 53' 06"	104° 28' 24"						F-48-77-B
bản Tông	DC	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu	20° 50' 31"	104° 27' 16"						F-48-77-B
bản Trọng	DC	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu	20° 48' 04"	104° 25' 23"						F-48-77-B
bản Xa Lú	DC	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu	20° 52' 35"	104° 27' 54"						F-48-77-B
núi Xe Tê Pan	SV	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu	20° 53' 08"	104° 27' 56"						F-48-77-B
tiểu khu 1	DC	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 46' 17"	104° 35' 24"						F-48-78-A
tiểu khu 2	DC	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 45' 52"	104° 35' 13"						F-48-78-A
tiểu khu 3	DC	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 45' 52"	104° 35' 44"						F-48-78-A
tiểu khu 4	DC	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 45' 35"	104° 36' 00"						F-48-78-A
tiểu khu 5	DC	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 45' 14"	104° 35' 54"						F-48-78-A
tiểu khu 6	DC	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 45' 07"	104° 36' 26"						F-48-78-A
tiểu khu 7	DC	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 44' 52"	104° 36' 53"						F-48-78-C
tiểu khu 8	DC	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 44' 00"	104° 38' 01"						F-48-78-C
tiểu khu 9	DC	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 43' 51"	104° 39' 01"						F-48-78-C
tiểu khu 10	DC	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 46' 15"	104° 35' 34"			20° 47' 34"	104° 35' 00"	20° 45' 57"	104° 32' 46"
quốc lộ 43	KX	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 45' 41"	104° 34' 25"						F-48-78-A
tiểu khu 3-2	DC	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 45' 23"	104° 36' 01"						F-48-78-A
tiểu khu 30-4	DC	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 45' 35"	104° 34' 05"						F-48-78-A
tiểu khu 1-5	DC	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 46' 58"	104° 34' 55"						F-48-78-A
tiểu khu 19-5	DC	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 44' 59"	104° 35' 36"						F-48-78-C
tiểu khu 2-9	DC	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 45' 34"	104° 37' 58"						F-48-78-A
núi Cổng Trời	SV	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 44' 33"	104° 35' 04"						F-48-78-C
bản Hìn Pén	DC	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 48' 38"	104° 33' 55"						F-48-78-A
núi Khu Mền	SV	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 44' 15"	104° 37' 10"						F-48-78-C
đốc Nà Tén	SV	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 47' 07"	104° 35' 30"						F-48-78-A
núi Pa Lay	SV	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 43' 33"	104° 35' 53"						F-48-78-C
bản Pha Luồng	DC	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 41' 20"	104° 37' 50"						F-48-78-C
núi Pha Luồng	SV	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu								F-48-78-C
suối Quanh	TV	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu					20° 43' 39"	104° 37' 46"	20° 43' 39"	104° 39' 13"
suối Sập	TV	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu					20° 45' 58"	104° 32' 46"	20° 47' 35"	104° 34' 59"

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
bản Suối Thín	DC	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 43' 24"	104° 36' 48"							F-48-78-C
suối Thín	TV	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu									F-48-78-C
quốc lộ 6	KX	xã Đông Sang	H. Mộc Châu			20° 41' 13"	104° 35' 59"	20° 43' 39"	104° 37' 46"			F-48-78-A
tiểu khu 34	DC	xã Đông Sang	H. Mộc Châu	20° 49' 40"	104° 37' 54"							F-48-78-A
bản Áng 1	DC	xã Đông Sang	H. Mộc Châu	20° 49' 23"	104° 37' 24"							F-48-78-A
bản Áng 2	DC	xã Đông Sang	H. Mộc Châu	20° 49' 32"	104° 37' 36"							F-48-78-A
bản Áng 3	DC	xã Đông Sang	H. Mộc Châu	20° 49' 41"	104° 37' 45"							F-48-78-A
bản Búa	DC	xã Đông Sang	H. Mộc Châu	20° 50' 04"	104° 38' 38"							F-48-78-A
bản Chăm Cháy	DC	xã Đông Sang	H. Mộc Châu	20° 46' 34"	104° 39' 03"							F-48-78-A
núi Co Muống	SV	xã Đông Sang	H. Mộc Châu	20° 50' 24"	104° 37' 39"							F-48-78-A
núi Co Phay	SV	xã Đông Sang	H. Mộc Châu	20° 49' 59"	104° 36' 27"							F-48-78-A
bản Co Xung	DC	xã Đông Sang	H. Mộc Châu	20° 46' 18"	104° 39' 13"							F-48-78-A
bản Cóc	DC	xã Đông Sang	H. Mộc Châu	20° 45' 54"	104° 39' 50"							F-48-78-A
suối Môn	TV	xã Đông Sang	H. Mộc Châu			20° 50' 30"	104° 39' 22"	20° 49' 48"	104° 38' 10"			F-48-78-A
bản Pa Phách 1	DC	xã Đông Sang	H. Mộc Châu	20° 47' 12"	104° 40' 08"							F-48-78-A
bản Pa Phách 2	DC	xã Đông Sang	H. Mộc Châu	20° 46' 23"	104° 41' 10"							F-48-78-A
núi Pha Xánh	SV	xã Đông Sang	H. Mộc Châu	20° 45' 29"	104° 39' 49"							F-48-78-A
núi Pu Huốt	SV	xã Đông Sang	H. Mộc Châu	20° 48' 29"	104° 37' 45"							F-48-78-A
núi Sơ Linh	SV	xã Đông Sang	H. Mộc Châu	20° 46' 14"	104° 41' 56"							F-48-78-A
bản Tự Nhiên	DC	xã Đông Sang	H. Mộc Châu	20° 50' 01"	104° 38' 04"							F-48-78-A
quốc lộ 43	KX	xã Hua Păng	H. Mộc Châu			20° 54' 33"	104° 45' 13"	20° 52' 29"	104° 46' 53"			F-48-78-B
núi Ba Hoi	SV	xã Hua Păng	H. Mộc Châu	20° 56' 59"	104° 46' 47"							F-48-78-B
bản Bó Hiền	DC	xã Hua Păng	H. Mộc Châu	20° 55' 06"	104° 47' 14"							F-48-78-B
núi Cây Nhãn	SV	xã Hua Păng	H. Mộc Châu	20° 52' 18"	104° 46' 56"							F-48-78-B
bản Chiềng Cang	DC	xã Hua Păng	H. Mộc Châu	20° 54' 06"	104° 45' 21"							F-48-78-B
suối Đôn	TV	xã Hua Păng	H. Mộc Châu			20° 53' 24"	104° 45' 19"	20° 54' 34"	104° 45' 14"			F-48-78-B
suối Giảng	TV	xã Hua Păng	H. Mộc Châu			20° 52' 31"	104° 47' 39"	20° 55' 43"	104° 44' 28"			F-48-78-B,
suối Huộc	TV	xã Hua Păng	H. Mộc Châu									F-48-78-A
xóm Huổi Hiền	DC	xã Hua Păng	H. Mộc Châu	20° 54' 36"	104° 44' 06"							F-48-78-B
bản Km 16	DC	xã Hua Păng	H. Mộc Châu	20° 52' 45"	104° 46' 30"							F-48-78-B
xóm Lòng Hồ	DC	xã Hua Păng	H. Mộc Châu	20° 54' 52"	104° 44' 12"							F-48-78-A
bản Nà Bó 1	DC	xã Hua Păng	H. Mộc Châu	20° 54' 23"	104° 44' 35"							F-48-78-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nà Bó 2	DC	xã Hua Păng	H. Mộc Châu	20° 54' 49"	104° 44' 00"					F-48-78-A
bản Nà Sài	DC	xã Hua Păng	H. Mộc Châu	20° 55' 18"	104° 44' 52"					F-48-78-A
bản Pa Đì	DC	xã Hua Păng	H. Mộc Châu	20° 55' 20"	104° 48' 22"					F-48-78-B
bản Pá Láy	DC	xã Hua Păng	H. Mộc Châu	20° 54' 47"	104° 45' 11"					F-48-78-B
núi Pu Tén	SV	xã Hua Păng	H. Mộc Châu	20° 53' 40"	104° 48' 40"					F-48-78-B
mỏm Sán Co Păng	SV	xã Hua Păng	H. Mộc Châu	20° 52' 25"	104° 48' 55"					F-48-78-B
núi Si Li	SV	xã Hua Păng	H. Mộc Châu	20° 56' 12"	104° 45' 32"					F-48-78-B
bản Sỏi	DC	xã Hua Păng	H. Mộc Châu	20° 55' 44"	104° 48' 04"					F-48-78-B
bản Suối Ba	DC	xã Hua Păng	H. Mộc Châu	20° 53' 35"	104° 46' 05"					F-48-78-B
bản Suối Đền	DC	xã Hua Păng	H. Mộc Châu	20° 53' 36"	104° 45' 01"					F-48-78-B
bản Suối Ngựa	DC	xã Hua Păng	H. Mộc Châu	20° 52' 20"	104° 47' 06"					F-48-78-B
suối Vừng	TV	xã Hua Păng	H. Mộc Châu			20° 53' 47"	104° 48' 27"	20° 55' 20"	104° 46' 17"	F-48-78-B
quốc lộ 43	KX	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu			20° 45' 57"	104° 32' 46"	20° 43' 55"	104° 30' 50"	F-48-78-A, F-48-78-C
bản A Lá	DC	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu	20° 44' 52"	104° 29' 45"					F-48-77-D
suối A Má	TV	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu			20° 47' 19"	104° 31' 08"	20° 46' 58"	104° 33' 56"	F-48-78-A
bản A Má 1	DC	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu	20° 47' 30"	104° 31' 53"					F-48-78-A
bản A Má 2	DC	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu	20° 47' 23"	104° 32' 11"					F-48-78-A
suối Bó Ngong	TV	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu			20° 46' 39"	104° 31' 21"	20° 46' 30"	104° 32' 56"	F-48-78-A
bản Bó Sập	DC	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu	20° 44' 30"	104° 31' 28"					F-48-78-C
núi Bốc Mụ	SV	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu	20° 46' 56"	104° 32' 20"					F-48-78-A
bản Bốc Quạng	DC	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu	20° 47' 25"	104° 29' 18"					F-48-77-B
bản Cọ Cháy	DC	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu	20° 45' 53"	104° 30' 36"					F-48-78-A
núi Đương Đông	SV	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu	20° 49' 05"	104° 32' 00"					F-48-78-A
bản Hồng Hủa	DC	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu	20° 46' 42"	104° 29' 45"					F-48-77-B
suối Hồng Hủa	TV	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu			20° 47' 08"	104° 28' 13"	20° 47' 19"	104° 31' 08"	F-48-77-B, F-48-78-A
bản Mường Bó	DC	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu	20° 46' 53"	104° 32' 11"					F-48-78-A
bản Phạ Đoàn	DC	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu	20° 48' 39"	104° 29' 48"					F-48-77-B
bản Phạ Nhên	DC	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu	20° 44' 32"	104° 29' 50"					F-48-77-D
bản Phát	DC	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu	20° 45' 03"	104° 32' 12"					F-48-78-A
bản Phiêng Cai	DC	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu	20° 43' 10"	104° 30' 03"					F-48-78-C
bản Pu Nhan	DC	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu	20° 45' 45"	104° 29' 39"					F-48-77-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)			
nằm Sập	TV	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu	20° 47' 41"	104° 33' 29"			20° 43' 29"	104° 32' 48"	20° 44' 56"	104° 32' 13"	F-48-78-C
núi Suối Ôm	SV	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu									F-48-78-A
suối Ưng	TV	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu					20° 48' 25"	104° 30' 15"	20° 48' 08"	104° 32' 29"	F-48-78-A
tiểu khu 1	DC	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 49' 35"	104° 35' 34"							F-48-78-A
tiểu khu 2	DC	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 50' 03"	104° 35' 53"							F-48-78-A
quốc lộ 6	KX	xã Mường Sang	H. Mộc Châu					20° 52' 20"	104° 35' 19"	20° 52' 38"	104° 35' 13"	F-48-78-A
quốc lộ 43	KX	xã Mường Sang	H. Mộc Châu					20° 51' 02"	104° 36' 47"	20° 47' 34"	104° 35' 00"	F-48-78-A
bản An Thái	DC	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 50' 57"	104° 35' 52"							F-48-78-A
bản Bãi Sậy	DC	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 49' 56"	104° 35' 45"							F-48-78-A
núi Cọ Bần	SV	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 51' 30"	104° 32' 29"							F-48-78-A
núi Hìn Cáp	SV	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 47' 10"	104° 35' 38"							F-48-78-A
núi Khư Mền	SV	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 48' 21"	104° 34' 50"							F-48-78-A
bản Lá Ngà 1	DC	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 50' 19"	104° 36' 27"							F-48-78-A
bản Lá Ngà 2	DC	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 50' 11"	104° 35' 32"							F-48-78-A
bản Lùn	DC	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 50' 11"	104° 35' 06"							F-48-78-A
núi Mu Nầu	SV	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 52' 04"	104° 38' 20"			20° 50' 13"	104° 35' 54"	20° 49' 24"	104° 35' 30"	F-48-78-A
suối Nà Bó	TV	xã Mường Sang	H. Mộc Châu									F-48-78-A
bản Nà Bó 1	DC	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 50' 54"	104° 36' 23"							F-48-78-A
bản Nà Bó 2	DC	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 50' 44"	104° 36' 45"							F-48-78-A
núi Nhung	SV	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 47' 13"	104° 38' 06"							F-48-78-A
núi Pa Kén	SV	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 51' 51"	104° 34' 18"							F-48-78-A
núi Pá Puốc	SV	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 51' 19"	104° 35' 36"							F-48-78-A
núi Pha Ché	SV	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 46' 10"	104° 37' 41"							F-48-78-A
núi Pha Đàng	SV	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 50' 23"	104° 37' 05"							F-48-78-A
núi Săn Nóc Kéch	SV	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 51' 15"	104° 36' 02"							F-48-78-A
suối Sập	TV	xã Mường Sang	H. Mộc Châu					20° 47' 35"	104° 34' 59"	20° 51' 15"	104° 34' 02"	F-48-78-A
bản Sò Lườn	DC	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 47' 36"	104° 36' 17"							F-48-78-A
bản Thái Hưng	DC	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 48' 30"	104° 35' 59"							F-48-78-A
bản Vật	DC	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 49' 12"	104° 35' 53"							F-48-78-A
núi Yên Ngựa	SV	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 55' 19"	104° 34' 41"							F-48-78-A
tiểu khu 3	DC	xã Nà Mường	H. Mộc Châu	20° 57' 14"	104° 43' 05"							F-48-78-A
quốc lộ 37	KX	xã Nà Mường	H. Mộc Châu					20° 59' 35"	104° 42' 15"	20° 56' 55"	104° 43' 09"	F-48-78-A
bản Đoàn Kết	DC	xã Nà Mường	H. Mộc Châu	20° 57' 45"	104° 44' 34"							F-48-78-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Đồn	TV	xã Nà Mường	H. Mộc Châu							F-48-78-A
suối Giảng	TV	xã Nà Mường	H. Mộc Châu							F-48-78-A
bản Kê Tèo	DC	xã Nà Mường	H. Mộc Châu	20° 57' 39"	104° 42' 42"			20° 59' 39"	104° 42' 49"	F-48-78-A
Công ty Lâm nghiệp Mộc Sơn	KX	xã Nà Mường	H. Mộc Châu	20° 56' 53"	104° 42' 37"					F-48-78-A
	DC	xã Nà Mường	H. Mộc Châu	20° 56' 21"	104° 43' 42"					F-48-78-A
bản Nà Mường 1	DC	xã Nà Mường	H. Mộc Châu	20° 56' 00"	104° 43' 51"					F-48-78-A
bản Pa Lay	DC	xã Nà Mường	H. Mộc Châu	20° 56' 38"	104° 42' 55"					F-48-78-A
bản Phiêng Toòng	DC	xã Nà Mường	H. Mộc Châu	20° 58' 14"	104° 42' 59"					F-48-78-A
bản Pạ Pài	DC	xã Nà Mường	H. Mộc Châu	20° 55' 45"	104° 43' 58"					F-48-78-A
bản Sầm Nặm	DC	xã Nà Mường	H. Mộc Châu	20° 59' 08"	104° 42' 16"					F-48-78-A
bản Si Li	DC	xã Nà Mường	H. Mộc Châu	20° 56' 21"	104° 44' 36"					F-48-78-A
suối Sỳ Hỳ	TV	xã Nà Mường	H. Mộc Châu			20° 56' 22"	104° 44' 45"	20° 55' 59"	104° 44' 19"	F-48-78-A
bản Tân Ca	DC	xã Nà Mường	H. Mộc Châu	20° 59' 15"	104° 42' 58"					F-48-78-A
suối Tánh	TV	xã Nà Mường	H. Mộc Châu			20° 58' 38"	104° 44' 33"	20° 58' 40"	104° 43' 05"	F-48-78-A
Thống Nhất	DC	xã Nà Mường	H. Mộc Châu	20° 55' 50"	104° 44' 22"					F-48-78-A
tiểu khu 32	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 50' 31"	104° 39' 32"					F-48-78-A
tiểu khu 40	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 50' 10"	104° 40' 39"					F-48-78-A
quốc lộ 43	KX	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu			20° 49' 22"	104° 43' 39"	20° 50' 49"	104° 47' 07"	F-48-78-A, F-48-78-B
tiểu khu 64	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 48' 59"	104° 43' 32"					F-48-78-A
tiểu khu 66	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 49' 50"	104° 42' 02"					F-48-78-A
tiểu khu 67	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 49' 39"	104° 43' 43"					F-48-78-A
tiểu khu 68	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 49' 47"	104° 42' 47"					F-48-78-A
tiểu khu 69	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 49' 24"	104° 41' 19"					F-48-78-A
tiểu khu 70	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 49' 56"	104° 40' 25"					F-48-78-A
tiểu khu 77	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 50' 46"	104° 40' 22"					F-48-78-A
tiểu khu 1-5	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 49' 28"	104° 42' 25"					F-48-78-A
tiểu khu 19-5	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 50' 37"	104° 40' 42"					F-48-78-A
tiểu khu 26-7	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 50' 28"	104° 42' 58"					F-48-78-A
tiểu khu 19-8	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 50' 15"	104° 41' 08"					F-48-78-A
cầu Bản Muống	KX	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 49' 29"	104° 43' 30"					F-48-78-A
tiểu khu Bệnh Viện 1	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 50' 22"	104° 39' 56"					F-48-78-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tiểu khu Bệnh Viện 2	DC	xã Phiêng Luông	H. Mọc Châu	20° 50' 24"	104° 40' 19"					F-48-78-A
tiểu khu Bó Bùn	DC	xã Phiêng Luông	H. Mọc Châu	20° 50' 07"	104° 39' 38"					F-48-78-A
tiểu khu Cấp 3	DC	xã Phiêng Luông	H. Mọc Châu	20° 49' 49"	104° 40' 55"					F-48-78-A
tiểu khu Chè Đen 1	DC	xã Phiêng Luông	H. Mọc Châu	20° 49' 55"	104° 41' 17"					F-48-78-A
tiểu khu Chè Đen 2	DC	xã Phiêng Luông	H. Mọc Châu	20° 50' 08"	104° 41' 27"					F-48-78-A
bản Chiềng Di	DC	xã Phiêng Luông	H. Mọc Châu	20° 48' 41"	104° 41' 56"					F-48-78-A
tiểu khu Hoa Ban	DC	xã Phiêng Luông	H. Mọc Châu	20° 49' 06"	104° 42' 46"					F-48-78-A
tiểu khu Khí Tượng	DC	xã Phiêng Luông	H. Mọc Châu	20° 50' 01"	104° 40' 47"					F-48-78-A
núi Mây Lôi	SV	xã Phiêng Luông	H. Mọc Châu	20° 52' 00"	104° 45' 07"					F-48-78-B
nông trường Mọc Châu	KX	xã Phiêng Luông	H. Mọc Châu	20° 50' 51"	104° 39' 40"					F-48-78-A
bản Mưông	DC	xã Phiêng Luông	H. Mọc Châu	20° 49' 19"	104° 44' 25"					F-48-78-A
tiểu khu Nhà Nghỉ	DC	xã Phiêng Luông	H. Mọc Châu	20° 50' 39"	104° 39' 55"					F-48-78-A
bản Pa Hóc	DC	xã Phiêng Luông	H. Mọc Châu	20° 51' 38"	104° 46' 07"					F-48-78-B
tiểu khu Phiêng Hạ	DC	xã Phiêng Luông	H. Mọc Châu	20° 48' 41"	104° 44' 22"					F-48-78-A
bản Phiêng Tiến	DC	xã Phiêng Luông	H. Mọc Châu	20° 48' 46"	104° 43' 56"					F-48-78-A
bản Piêng Sang	DC	xã Phiêng Luông	H. Mọc Châu	20° 51' 21"	104° 45' 07"					F-48-78-B
tiểu khu S 89	DC	xã Phiêng Luông	H. Mọc Châu	20° 50' 51"	104° 42' 15"					F-48-78-A
bản Suối Khem	DC	xã Phiêng Luông	H. Mọc Châu	20° 50' 43"	104° 45' 58"					F-48-78-B
bản Tầm Ba	DC	xã Phiêng Luông	H. Mọc Châu	20° 49' 57"	104° 45' 01"					F-48-78-B
tiểu khu Thảo Nguyên	DC	xã Phiêng Luông	H. Mọc Châu	20° 49' 21"	104° 43' 40"					F-48-78-A
núi Thôm Pôn	SV	xã Phiêng Luông	H. Mọc Châu	20° 51' 46"	104° 45' 50"					F-48-78-B
núi Thung Quế	SV	xã Phiêng Luông	H. Mọc Châu	20° 51' 16"	104° 44' 15"					F-48-78-A
tiểu khu Tiên Tiến	DC	xã Phiêng Luông	H. Mọc Châu	20° 49' 10"	104° 41' 44"					F-48-78-A
tiểu khu Vườn Đào	DC	xã Phiêng Luông	H. Mọc Châu	20° 48' 52"	104° 40' 51"					F-48-78-A
bản Xôm Lôm	DC	xã Phiêng Luông	H. Mọc Châu	20° 50' 05"	104° 44' 02"					F-48-78-A
tiểu khu Xưởng Sửa	DC	xã Phiêng Luông	H. Mọc Châu	20° 50' 34"	104° 40' 56"					F-48-78-A
quốc lộ 37	KX	xã Quy Hướng	H. Mọc Châu			21° 03' 18"	104° 42' 34"	20° 59' 35"	104° 42' 15"	F-48-66-C-d, F-48-78-A
bản Bón Trai	DC	xã Quy Hướng	H. Mọc Châu	21° 02' 31"	104° 42' 29"					F-48-66-C-d
bản Bó Giàng	DC	xã Quy Hướng	H. Mọc Châu	21° 01' 15"	104° 44' 40"					F-48-66-C-d
bản Bó Hoi	DC	xã Quy Hướng	H. Mọc Châu	20° 57' 37"	104° 46' 16"					F-48-78-B
bản Chiềng Khoàng	DC	xã Quy Hướng	H. Mọc Châu	21° 01' 38"	104° 42' 26"					F-48-66-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối			
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)		
sông Đà	TV	xã Quy Hướng	H. Mộc Châu			21° 02' 51"	104° 44' 34"	21° 02' 49"	104° 41' 46"	104° 45' 47"	F-48-66-C-d, F-48-66-D-c
bản Đồng Giảng	DC	xã Quy Hướng	H. Mộc Châu								F-48-66-C-d
suối Giảng	TV	xã Quy Hướng	H. Mộc Châu					20° 58' 46"	104° 44' 20"	104° 43' 59"	F-48-78-A, F-48-66-C-d
suối Giảng	TV	xã Quy Hướng	H. Mộc Châu					20° 59' 39"	104° 42' 49"	104° 43' 59"	F-48-78-A, F-48-66-C-d
suối Mát	TV	xã Quy Hướng	H. Mộc Châu					21° 00' 14"	104° 41' 44"	104° 42' 53"	F-48-66-C-d
bản Nà Cung	DC	xã Quy Hướng	H. Mộc Châu	21° 01' 01"	104° 44' 51"						F-48-66-C-d
bản Nà Đưa	DC	xã Quy Hướng	H. Mộc Châu	21° 01' 00"	104° 45' 09"						F-48-66-C-d
bản Nà Giảng 1	DC	xã Quy Hướng	H. Mộc Châu	21° 00' 32"	104° 44' 51"						F-48-66-C-d
bản Nà Quên	DC	xã Quy Hướng	H. Mộc Châu	21° 01' 57"	104° 44' 00"						F-48-66-C-d
bản Suối Giảng 1	DC	xã Quy Hướng	H. Mộc Châu	21° 00' 00"	104° 42' 53"						F-48-66-C-d
bản Suối Giảng 2	DC	xã Quy Hướng	H. Mộc Châu	21° 01' 28"	104° 43' 00"						F-48-66-C-d
núi Táng Nhắng	SV	xã Quy Hướng	H. Mộc Châu	21° 01' 45"	104° 45' 32"						F-48-66-C-d
suối Trại	TV	xã Quy Hướng	H. Mộc Châu			21° 02' 04"	104° 42' 24"	21° 03' 09"	104° 42' 18"		F-48-66-D-c
phá Vạn Yên	KX	xã Quy Hướng	H. Mộc Châu	21° 03' 28"	104° 42' 24"						F-48-66-C-d
bản Vằng Khoài	DC	xã Quy Hướng	H. Mộc Châu	21° 00' 25"	104° 42' 50"						F-48-66-C-d
bản C-5	DC	xã Tà Lại	H. Mộc Châu	20° 57' 15"	104° 40' 22"						F-48-66-C-d
núi Kè Tèo	SV	xã Tà Lại	H. Mộc Châu	20° 59' 14"	104° 41' 22"						F-48-78-A
bản Lòng Hồ	DC	xã Tà Lại	H. Mộc Châu	20° 57' 01"	104° 41' 15"						F-48-78-A
suối Mỏ	TV	xã Tà Lại	H. Mộc Châu			20° 56' 44"	104° 41' 03"	20° 57' 31"	104° 41' 42"		F-48-78-A
bản Nà Cạn	DC	xã Tà Lại	H. Mộc Châu	20° 58' 18"	104° 39' 36"						F-48-78-A
bản Nong Cụt	DC	xã Tà Lại	H. Mộc Châu	20° 57' 27"	104° 39' 28"						F-48-78-A
bản Pái Mỏ	DC	xã Tà Lại	H. Mộc Châu	20° 58' 05"	104° 39' 54"						F-48-78-A
bản Suối Mỏ	DC	xã Tà Lại	H. Mộc Châu	20° 56' 59"	104° 42' 00"						F-48-78-A
suối Tà Lại	TV	xã Tà Lại	H. Mộc Châu			20° 58' 11"	104° 39' 12"	20° 57' 20"	104° 42' 32"		F-48-78-A
bản Tà Lọt	DC	xã Tà Lại	H. Mộc Châu	20° 58' 07"	104° 40' 03"						F-48-78-A
bản Thàng 5	DC	xã Tà Lại	H. Mộc Châu	20° 57' 43"	104° 40' 33"						F-48-78-A
suối Bưng	TV	xã Tân Hợp	H. Mộc Châu			21° 00' 49"	104° 35' 10"	21° 02' 48"	104° 36' 05"		F-48-66-C-c
bản Cà Đặc	DC	xã Tân Hợp	H. Mộc Châu	21° 00' 34"	104° 34' 02"						F-48-66-C-c
sông Đà	TV	xã Tân Hợp	H. Mộc Châu			21° 03' 14"	104° 34' 05"	21° 02' 57"	104° 41' 46"		F-48-66-C-c, F-48-66-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu				Tọa độ điểm cuối			
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)				
suối Hồ	TV	xã Tân Hợp	H. Mộc Châu										F-48-66-C-c
bản Lũng Mú	DC	xã Tân Hợp	H. Mộc Châu	21° 02' 33"	104° 33' 27"								F-48-66-C-c
suối Lũng Mú	TV	xã Tân Hợp	H. Mộc Châu										F-48-66-C-c
bản Nà Mí	DC	xã Tân Hợp	H. Mộc Châu	21° 00' 45"	104° 37' 51"	21° 02' 20"	104° 32' 52"	21° 03' 14"	104° 34' 05"				F-48-66-C-d
bản Nà Mường	DC	xã Tân Hợp	H. Mộc Châu	21° 00' 11"	104° 36' 42"								F-48-78-A
bản Nà Sánh	DC	xã Tân Hợp	H. Mộc Châu	20° 59' 37"	104° 37' 44"								F-48-66-C-c
bản Pơ Nang	DC	xã Tân Hợp	H. Mộc Châu	21° 01' 50"	104° 35' 16"								F-48-66-C-c
bản Sam Kha	DC	xã Tân Hợp	H. Mộc Châu	21° 00' 53"	104° 36' 29"								F-48-66-C-d
bản Sao Tuai	DC	xã Tân Hợp	H. Mộc Châu	21° 00' 45"	104° 40' 49"								F-48-66-C-d
bản Suối Chanh	DC	xã Tân Hợp	H. Mộc Châu	21° 01' 12"	104° 38' 01"								F-48-78-A
bản Suối Khoang	DC	xã Tân Hợp	H. Mộc Châu	20° 59' 19"	104° 35' 53"								F-48-66-C-c
bản Suối Xáy	DC	xã Tân Hợp	H. Mộc Châu	21° 02' 02"	104° 37' 15"								F-48-66-C-c
bản Tầm Phế	DC	xã Tân Hợp	H. Mộc Châu	20° 59' 11"	104° 38' 44"								F-48-78-A
suối Vua	TV	xã Tân Hợp	H. Mộc Châu			21° 00' 11"	104° 39' 38"	21° 01' 36"	104° 38' 15"				F-48-66-C-d
suối Xáy	TV	xã Tân Hợp	H. Mộc Châu			21° 01' 57"	104° 36' 52"	21° 02' 05"	104° 37' 07"				F-48-66-C-c
tiểu khu 9	DC	xã Tân Lập	H. Mộc Châu	20° 55' 55"	104° 36' 43"								F-48-78-A
tiểu khu 12	DC	xã Tân Lập	H. Mộc Châu	20° 56' 47"	104° 37' 14"								F-48-78-A
tiểu khu 34	DC	xã Tân Lập	H. Mộc Châu	20° 54' 26"	104° 38' 16"								F-48-78-A
bản Cò Phay	DC	xã Tân Lập	H. Mộc Châu	20° 58' 55"	104° 35' 37"								F-48-78-A
bản Dọi	DC	xã Tân Lập	H. Mộc Châu	20° 57' 20"	104° 38' 11"								F-48-78-A
núi Hai Cầu Thang	SV	xã Tân Lập	H. Mộc Châu	20° 58' 32"	104° 31' 21"								F-48-78-A
bản Hang Cọp	DC	xã Tân Lập	H. Mộc Châu	20° 55' 21"	104° 37' 27"								F-48-78-A
bản Hoa 1	DC	xã Tân Lập	H. Mộc Châu	20° 56' 33"	104° 37' 47"								F-48-78-A
bản Hoa 2	DC	xã Tân Lập	H. Mộc Châu	20° 56' 36"	104° 36' 10"								F-48-78-A
núi Keo Co Xe	SV	xã Tân Lập	H. Mộc Châu	20° 58' 50"	104° 31' 52"								F-48-78-A
bản Khe Pòng	DC	xã Tân Lập	H. Mộc Châu	20° 59' 42"	104° 33' 18"								F-48-78-A
bản Lũng Cóc	DC	xã Tân Lập	H. Mộc Châu	20° 59' 38"	104° 34' 07"								F-48-78-A
bản Nà	DC	xã Tân Lập	H. Mộc Châu	20° 59' 51"	104° 33' 49"								F-48-78-A
bản Nà Pháy	DC	xã Tân Lập	H. Mộc Châu	20° 59' 09"	104° 34' 14"								F-48-78-A
núi Ông Bơ	SV	xã Tân Lập	H. Mộc Châu	20° 54' 43"	104° 38' 43"								F-48-78-A
núi Pha Canh	SV	xã Tân Lập	H. Mộc Châu	20° 55' 19"	104° 36' 02"								F-48-78-A
suối Phiêng	TV	xã Tân Lập	H. Mộc Châu			20° 55' 04"	104° 38' 48"	20° 59' 05"	104° 35' 20"				F-48-78-A
bản Phiêng Cánh	DC	xã Tân Lập	H. Mộc Châu	20° 54' 28"	104° 37' 31"								F-48-78-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Phiêng Cánh	TV	xã Tân Lập	H. Mộc Châu							F-48-78-A
bản Phiêng Đón	DC	xã Tân Lập	H. Mộc Châu	20° 57' 31"	104° 36' 34"					F-48-78-A
bản Tà Phênh 1	DC	xã Tân Lập	H. Mộc Châu	20° 58' 04"	104° 34' 22"					F-48-78-A
bản Tà Phênh 2	DC	xã Tân Lập	H. Mộc Châu	20° 58' 14"	104° 33' 55"					F-48-78-A
đường tỉnh 106	KX	TT. ít Ong	H. Mường La			21° 31' 21"	104° 01' 24"	21° 28' 42"	104° 01' 38"	F-48-53-C
bản Chiềng Tè	DC	TT. ít Ong	H. Mường La	21° 31' 30"	103° 57' 22"					F-48-52-D
bản Co Bay	DC	TT. ít Ong	H. Mường La	21° 31' 05"	104° 00' 39"					F-48-53-C
bản Cu Liu	DC	TT. ít Ong	H. Mường La	21° 30' 53"	104° 00' 41"					F-48-53-C
sông Đà	TV	TT. ít Ong	H. Mường La			21° 31' 27"	103° 55' 39"	21° 26' 55"	104° 03' 28"	F-48-52-D F-48-64-B F-48-65-A
bản Hua ít	DC	TT. ít Ong	H. Mường La	21° 31' 06"	104° 01' 28"					F-48-53-C
bản Hua Nà	DC	TT. ít Ong	H. Mường La	21° 31' 01"	103° 58' 04"					F-48-52-D
bản ít Bon	DC	TT. ít Ong	H. Mường La	21° 31' 28"	104° 00' 23"					F-48-53-C
bản Nà Lo	DC	TT. ít Ong	H. Mường La	21° 31' 02"	104° 00' 49"					F-48-53-C
bản Nà Lốc	DC	TT. ít Ong	H. Mường La	21° 30' 43"	104° 01' 37"					F-48-53-C
bản Nà Nong	DC	TT. ít Ong	H. Mường La	21° 30' 44"	104° 01' 10"					F-48-53-C
bản Nà Tông	DC	TT. ít Ong	H. Mường La	21° 29' 56"	103° 59' 09"					F-48-64-B
nậm Păm	TV	TT. ít Ong	H. Mường La			21° 31' 14"	104° 01' 09"	21° 29' 51"	104° 00' 35"	F-48-53-C F-48-65-A
bản Tín	DC	TT. ít Ong	H. Mường La	21° 29' 31"	104° 01' 35"					F-48-65-A
suối Tín	TV	TT. ít Ong	H. Mường La			21° 29' 56"	104° 03' 34"	21° 28' 49"	104° 01' 36"	F-48-65-A
suối Háng Tang	TV	xã Chiềng Ân	H. Mường La			21° 29' 06"	104° 09' 25"	21° 29' 08"	104° 10' 39"	F-48-65-A
bản Háng Trạng	DC	xã Chiềng Ân	H. Mường La	21° 30' 07"	104° 10' 30"					F-48-53-C
núi Háng Xi	SV	xã Chiềng Ân	H. Mường La	21° 33' 44"	104° 15' 23"					F-48-53-D
núi Huổi Chông	SV	xã Chiềng Ân	H. Mường La	21° 28' 17"	104° 09' 03"					F-48-65-A
bản Nong Bông	DC	xã Chiềng Ân	H. Mường La	21° 29' 14"	104° 09' 22"					F-48-65-A
bản Nong Hoi Dưới	DC	xã Chiềng Ân	H. Mường La	21° 28' 57"	104° 09' 31"					F-48-65-A
bản Nong Hoi Trên	DC	xã Chiềng Ân	H. Mường La	21° 29' 09"	104° 09' 22"					F-48-65-A
bản Pá Xá Hồng	DC	xã Chiềng Ân	H. Mường La	21° 27' 12"	104° 10' 25"					F-48-65-A
núi Tà Chi Nhù	SV	xã Chiềng Ân	H. Mường La	21° 33' 06"	104° 16' 29"					F-48-53-D
bản Tà Pủ Trử	DC	xã Chiềng Ân	H. Mường La	21° 32' 03"	104° 14' 43"					F-48-65-A
suối Tích To	TV	xã Chiềng Ân	H. Mường La			21° 29' 11"	104° 08' 34"	21° 28' 29"	104° 10' 58"	F-48-65-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
nậm Xá	TV	xã Chiềng An	H. Mường La	21° 30' 48"	104° 11' 33"					F-48-65-A
bản Xạ Súng	DC	xã Chiềng An	H. Mường La							F-48-65-A
suối Chế Đồng	TV	xã Chiềng Công	H. Mường La							F-48-65-A
bản Chông Dù Tấu	DC	xã Chiềng Công	H. Mường La	21° 28' 05"	104° 14' 22"					F-48-65-A
núi Co Sủ	SV	xã Chiềng Công	H. Mường La	21° 25' 41"	104° 11' 58"					F-48-65-A
bản Co Sủ Dưới	DC	xã Chiềng Công	H. Mường La	21° 26' 23"	104° 12' 10"					F-48-65-A
bản Co Sủ Trên	DC	xã Chiềng Công	H. Mường La	21° 26' 02"	104° 11' 52"					F-48-65-A
núi Đán Đanh	SV	xã Chiềng Công	H. Mường La	21° 23' 43"	104° 11' 50"					F-48-65-A
bản Đin Lanh	DC	xã Chiềng Công	H. Mường La	21° 26' 21"	104° 11' 20"					F-48-65-A
bản Hán Cá Thịnh	DC	xã Chiềng Công	H. Mường La	21° 29' 57"	104° 14' 08"					F-48-65-A
nậm Hồng	TV	xã Chiềng Công	H. Mường La			21° 25' 47"	104° 14' 53"	21° 27' 12"	104° 10' 28"	F-48-65-A
bản Kéo Hỏm	DC	xã Chiềng Công	H. Mường La	21° 24' 55"	104° 12' 18"					F-48-65-A
bản Kho Lao Dưới	DC	xã Chiềng Công	H. Mường La	21° 28' 19"	104° 11' 04"					F-48-65-A
bản Kho Lao Trên	DC	xã Chiềng Công	H. Mường La	21° 28' 45"	104° 11' 52"					F-48-65-A
bản Long Bó	DC	xã Chiềng Công	H. Mường La	21° 23' 28"	104° 12' 49"					F-48-65-A
bản Mạo	DC	xã Chiềng Công	H. Mường La	21° 24' 18"	104° 12' 12"					F-48-65-A
bản Mới	DC	xã Chiềng Công	H. Mường La	21° 27' 05"	104° 13' 47"					F-48-65-A
bản Nậm Hồng	DC	xã Chiềng Công	H. Mường La	21° 27' 38"	104° 11' 39"					F-48-65-A
núi Nán Hun	SV	xã Chiềng Công	H. Mường La	21° 22' 51"	104° 12' 08"					F-48-65-A
bản Nong Hùn	DC	xã Chiềng Công	H. Mường La	21° 26' 32"	104° 10' 05"					F-48-65-A
bản Pá Chè	DC	xã Chiềng Công	H. Mường La	21° 23' 56"	104° 13' 54"					F-48-65-A
suối Tả	TV	xã Chiềng Công	H. Mường La			21° 24' 17"	104° 13' 14"	21° 24' 39"	104° 10' 33"	F-48-65-A
bản Tảo Ván	DC	xã Chiềng Công	H. Mường La	21° 26' 01"	104° 13' 31"					F-48-65-A
suối Tin Nông	TV	xã Chiềng Công	H. Mường La			21° 25' 44"	104° 12' 51"	21° 27' 17"	104° 13' 08"	F-48-65-A
bản Tóc Tắt Dưới	DC	xã Chiềng Công	H. Mường La	21° 28' 05"	104° 13' 29"					F-48-65-A
bản Tóc Tắt Trên	DC	xã Chiềng Công	H. Mường La	21° 28' 41"	104° 12' 47"					F-48-65-A
suối Tông Sur	TV	xã Chiềng Công	H. Mường La			21° 25' 46"	104° 13' 26"	21° 26' 52"	104° 14' 03"	F-48-65-A
bản Trung Khùa	DC	xã Chiềng Công	H. Mường La	21° 30' 41"	104° 14' 40"					F-48-65-A
nậm Xá	TV	xã Chiềng Công	H. Mường La			21° 30' 53"	104° 17' 31"	21° 26' 37"	104° 09' 34"	F-48-53-C
bản Áng	DC	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 23' 33"	104° 09' 21"					F-48-65-A
núi Cáp Mường	SV	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 27' 29"	104° 06' 45"					F-48-65-A
núi Chằm Cọ	SV	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 24' 26"	104° 06' 05"					F-48-65-A
suối Chan	TV	xã Chiềng Hoa	H. Mường La			21° 23' 39"	104° 11' 01"	21° 23' 07"	104° 09' 22"	F-48-65-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Chông	DC	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 26' 56"	104° 07' 39"					F-48-65-A
sông Đà	TV	xã Chiềng Hoa	H. Mường La							F-48-65-A
suối Đán Kỳ	TV	xã Chiềng Hoa	H. Mường La							F-48-65-A
bản Hát Hay	DC	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 24' 34"	104° 07' 34"					F-48-65-A
bản Hìn Phá	DC	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 22' 03"	104° 10' 19"					F-48-65-A
suối Hìn Phá	TV	xã Chiềng Hoa	H. Mường La							F-48-65-A
huối Hổ	TV	xã Chiềng Hoa	H. Mường La							F-48-65-A
núi Huối Luống	SV	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 28' 46"	104° 08' 29"					F-48-65-A
bản Huối Pù	DC	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 23' 33"	104° 08' 02"					F-48-65-A
bản Huối Xưa	DC	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 24' 43"	104° 09' 13"					F-48-65-A
bản Lay	DC	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 25' 49"	104° 08' 32"					F-48-65-A
bản Nà Cưa	DC	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 26' 06"	104° 08' 28"					F-48-65-A
bản Nà Lửa	DC	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 23' 21"	104° 10' 23"					F-48-65-A
bản Nà Ngịu	DC	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 23' 44"	104° 08' 59"					F-48-65-A
bản Nà Săng	DC	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 23' 02"	104° 09' 31"					F-48-65-A
núi Nán Phai	SV	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 21' 55"	104° 06' 29"					F-48-65-A
bản Nong É	DC	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 23' 17"	104° 05' 44"					F-48-65-A
bản Nong Quang	DC	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 24' 53"	104° 09' 16"					F-48-65-A
bản Nong Săn	DC	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 27' 54"	104° 07' 36"					F-48-65-A
bản Pha Xe	DC	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 23' 41"	104° 10' 24"					F-48-65-A
bản Pháy Hươn	DC	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 22' 46"	104° 10' 57"					F-48-65-A
núi Phú Quang	SV	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 25' 53"	104° 09' 51"					F-48-65-A
bản Pía	DC	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 25' 46"	104° 08' 27"					F-48-65-A
nậm Pía	TV	xã Chiềng Hoa	H. Mường La							F-48-65-A
suối Săng	TV	xã Chiềng Hoa	H. Mường La							F-48-65-A
bản Tả	DC	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 24' 20"	104° 08' 27"					F-48-65-A
suối Tả	TV	xã Chiềng Hoa	H. Mường La							F-48-65-A
bản Tả Lành	DC	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 23' 52"	104° 07' 19"					F-48-65-A
suối Tả Lành	TV	xã Chiềng Hoa	H. Mường La							F-48-65-A
bản Cùn	DC	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 38' 00"	103° 54' 35"					F-48-52-D
pu Hen	SV	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 36' 20"	103° 51' 36"					F-48-52-D
suối Huối Chèo	TV	xã Chiềng Lao	H. Mường La							F-48-52-D
núi Huối Chiêu	SV	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 41' 28"	103° 49' 18"					F-48-52-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình		
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
suối Huổi Chùa	TV	xã Chiềng Lao	H. Mường La			21° 36' 01"	103° 52' 10"	21° 38' 28"	103° 55' 54"	21° 37' 42"	103° 55' 14"	F-48-52-D
bản Huổi Hệu	DC	xã Chiềng Lao	H. Mường La									F-48-52-D
suối Huổi Hệu	TV	xã Chiềng Lao	H. Mường La					21° 35' 32"	103° 52' 53"	21° 36' 33"	103° 54' 08"	F-48-52-D
suối Huổi La	TV	xã Chiềng Lao	H. Mường La					21° 38' 46"	103° 57' 06"	21° 36' 11"	103° 55' 51"	F-48-52-D
suối Huổi Lém	TV	xã Chiềng Lao	H. Mường La					21° 37' 34"	103° 56' 17"	21° 36' 41"	103° 55' 42"	F-48-52-D
suối Huổi Ngăn	TV	xã Chiềng Lao	H. Mường La					21° 38' 31"	103° 55' 38"	21° 37' 53"	103° 55' 06"	F-48-52-D
suối Huổi Păng	TV	xã Chiềng Lao	H. Mường La					21° 38' 40"	103° 56' 49"	21° 36' 47"	103° 55' 05"	F-48-52-D
suối Huổi Quảng	TV	xã Chiềng Lao	H. Mường La					21° 42' 09"	103° 53' 16"	21° 41' 31"	103° 53' 06"	F-48-52-D
bản Huổi Tông	DC	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 39' 28"	103° 51' 37"							F-48-52-D
bản Lán Ến	DC	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 41' 29"	103° 50' 25"							F-48-52-D
núi Lán Ến	SV	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 42' 07"	103° 50' 30"							F-48-52-D
bản Léch	DC	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 38' 47"	103° 53' 46"							F-48-52-D
bản Mạ	DC	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 38' 59"	103° 53' 19"							F-48-52-D
bản Nà Cường	DC	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 39' 14"	103° 53' 13"							F-48-52-D
bản Nà Léch 1	DC	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 39' 28"	103° 53' 45"							F-48-52-D
bản Nà Léch 2	DC	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 39' 13"	103° 53' 43"							F-48-52-D
bản Nà Léch 3	DC	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 39' 04"	103° 53' 51"							F-48-52-D
suối Nậm Mạ	TV	xã Chiềng Lao	H. Mường La					21° 39' 02"	103° 50' 48"	21° 39' 51"	103° 51' 11"	F-48-52-D
suối Nậm Mụ	TV	xã Chiềng Lao	H. Mường La					21° 41' 46"	103° 52' 46"	21° 36' 08"	103° 56' 18"	F-48-52-D
suối Nậm Sầm	TV	xã Chiềng Lao	H. Mường La					21° 37' 27"	103° 52' 44"	21° 37' 02"	103° 54' 59"	F-48-52-D
bản Nhạp	DC	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 38' 31"	103° 54' 09"							F-48-52-D
bản Pá Sòng	DC	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 34' 56"	103° 52' 44"							F-48-52-D
núi Pác Cắc	SV	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 40' 14"	103° 49' 53"							F-48-52-D
bản Pệu	DC	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 37' 19"	103° 53' 13"							F-48-52-D
núi Phao Ưng	SV	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 40' 16"	103° 55' 55"							F-48-52-D
bản Phiêng Cại	DC	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 36' 49"	103° 55' 46"							F-48-52-D
bản Phiêng Phả	DC	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 39' 48"	103° 50' 18"							F-48-52-D
núi Phiêng Phả	SV	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 39' 14"	103° 49' 22"							F-48-52-D
bản Tà Sài	DC	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 36' 22"	103° 55' 59"							F-48-52-D
bản Tàng Khê	DC	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 40' 55"	103° 53' 10"							F-48-52-D
núi Tàng Khê	SV	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 41' 45"	103° 54' 09"							F-48-52-D
bản Cát Linh	DC	xã Chiềng Muôn	H. Mường La	21° 32' 07"	104° 09' 03"							F-48-53-C
suối Cát Linh	TV	xã Chiềng Muôn	H. Mường La			21° 32' 08"	104° 09' 50"	21° 32' 41"	104° 07' 21"			F-48-53-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
suối Chiến	TV	xã Chiềng Muôn	H. Mường La			21° 35' 13"	104° 08' 16"	21° 29' 37"	104° 05' 19"	F-48-53-C		
suối Háng Đệ Tra	TV	xã Chiềng Muôn	H. Mường La			21° 33' 19"	104° 10' 44"	21° 33' 14"	104° 08' 20"	F-48-65-A		
núi Hát Xi	SV	xã Chiềng Muôn	H. Mường La	21° 34' 58"	104° 10' 06"					F-48-53-C		
bản Hua Chiến	DC	xã Chiềng Muôn	H. Mường La	21° 31' 42"	104° 08' 05"					F-48-53-C		
bản Hua Đán	DC	xã Chiềng Muôn	H. Mường La	21° 32' 15"	104° 07' 26"					F-48-53-C		
bản Hua Kim	DC	xã Chiềng Muôn	H. Mường La	21° 31' 18"	104° 09' 10"					F-48-53-C		
huối Huổi Mưởng	TV	xã Chiềng Muôn	H. Mường La			21° 30' 03"	104° 07' 04"	21° 30' 24"	104° 05' 40"	F-48-53-C		
núi Khau Phong	SV	xã Chiềng Muôn	H. Mường La	21° 31' 33"	104° 04' 05"					F-48-53-C		
suối Lúc	TV	xã Chiềng Muôn	H. Mường La							F-48-53-C		
suối Nặm Kim	TV	xã Chiềng Muôn	H. Mường La			21° 29' 39"	104° 08' 12"	21° 28' 02"	104° 06' 39"	F-48-65-A		
bản Nong Quài	DC	xã Chiềng Muôn	H. Mường La			21° 30' 59"	104° 10' 02"	21° 31' 04"	104° 06' 00"	F-48-53-C		
bản Pá Kim	DC	xã Chiềng Muôn	H. Mường La	21° 30' 04"	104° 06' 03"					F-48-53-C		
suối Tái Phạ	TV	xã Chiềng Muôn	H. Mường La	21° 31' 14"	104° 06' 48"					F-48-53-C		
núi Trường Sa	SV	xã Chiềng Muôn	H. Mường La	21° 29' 24"	104° 08' 15"			21° 28' 16"	104° 06' 40"	F-48-65-A		
núi Xanh Xa	SV	xã Chiềng Muôn	H. Mường La	21° 28' 58"	104° 07' 53"					F-48-65-A		
bản Chiến	DC	xã Chiềng San	H. Mường La	21° 28' 40"	104° 04' 25"					F-48-65-A		
suối Chiến	TV	xã Chiềng San	H. Mường La			21° 29' 37"	104° 05' 19"	21° 28' 18"	104° 01' 59"	F-48-65-A		
núi Kéo Ướt	SV	xã Chiềng San	H. Mường La	21° 27' 56"	104° 06' 42"					F-48-65-A		
bản Lâm	DC	xã Chiềng San	H. Mường La	21° 28' 44"	104° 03' 37"					F-48-65-A		
pu Lán Bực	SV	xã Chiềng San	H. Mường La	21° 29' 27"	104° 06' 38"					F-48-65-A		
suối Lúc	TV	xã Chiềng San	H. Mường La			21° 28' 02"	104° 06' 39"	21° 28' 32"	104° 04' 40"	F-48-65-A		
bản Luồng	DC	xã Chiềng San	H. Mường La	21° 28' 22"	104° 05' 04"					F-48-65-A		
bản Nong	DC	xã Chiềng San	H. Mường La	21° 27' 56"	104° 05' 33"					F-48-65-A		
bản Pá Chiến	DC	xã Chiềng San	H. Mường La	21° 28' 42"	104° 02' 22"					F-48-65-A		
bản Trung San	DC	xã Chiềng San	H. Mường La	21° 28' 14"	104° 02' 17"					F-48-65-A		
bản Ái Ngựa	DC	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 34' 49"	103° 59' 27"					F-48-52-D		
bản Đông	DC	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 38' 52"	103° 58' 55"					F-48-52-D		
huối Hồng	TV	xã Hua Trai	H. Mường La			21° 39' 30"	104° 02' 54"	21° 40' 23"	104° 01' 29"	F-48-53-C		
bản Huổi Cườm	DC	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 36' 33"	103° 57' 50"					F-48-52-D		
núi Huổi Lót	SV	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 39' 15"	104° 03' 54"					F-48-53-C		
bản Huổi Nạ	DC	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 39' 41"	103° 59' 46"					F-48-52-D		
nằm Khít	TV	xã Hua Trai	H. Mường La			21° 39' 55"	103° 58' 05"	21° 38' 40"	103° 58' 53"	F-48-52-D		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
nặng Khốt	TV	xã Hua Trai	H. Mường La			21° 37' 09"	104° 04' 08"	21° 37' 31"	104° 01' 01"	F-48-53-C		
bản Lè	DC	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 38' 34"	103° 58' 58"					F-48-52-D		
bản Long Bon	DC	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 39' 57"	104° 00' 15"					F-48-52-D		
huổi Lót	TV	xã Hua Trai	H. Mường La			21° 39' 05"	104° 01' 51"	21° 39' 31"	104° 00' 13"	F-48-53-C		
bản Mền	DC	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 36' 26"	103° 58' 21"					F-48-52-D		
huổi Múa	TV	xã Hua Trai	H. Mường La			21° 36' 25"	104° 01' 09"	21° 37' 31"	104° 01' 01"	F-48-53-C		
bản Nà Hoi	DC	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 37' 22"	103° 58' 13"					F-48-52-D		
bản Nà Lờ	DC	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 36' 46"	103° 58' 09"					F-48-52-D		
bản Nà Săn	DC	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 38' 15"	103° 58' 22"					F-48-52-D		
bản Nà Tông	DC	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 38' 05"	103° 58' 23"					F-48-52-D		
bản Nậm Khít	DC	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 39' 48"	103° 58' 04"					F-48-52-D		
huổi Ngòi	TV	xã Hua Trai	H. Mường La			21° 35' 24"	104° 00' 30"	21° 36' 29"	103° 58' 15"	F-48-53-C, F-48-52-D		
bản Ổ	DC	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 37' 38"	103° 58' 19"					F-48-52-D		
bản Pá Han	DC	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 37' 27"	104° 00' 21"					F-48-53-C		
bản Pá Mua	DC	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 37' 19"	104° 00' 50"					F-48-53-C		
bản Phiêng Hoi	DC	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 38' 19"	103° 58' 46"					F-48-52-D		
bản Phiêng Phé	DC	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 36' 46"	103° 58' 24"					F-48-52-D		
bản Pô	DC	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 37' 47"	103° 58' 12"					F-48-52-D		
bản Thẩm Cong	DC	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 35' 50"	104° 00' 22"					F-48-53-C		
nặng Trai	TV	xã Hua Trai	H. Mường La			21° 40' 22"	104° 01' 28"	21° 36' 26"	103° 57' 50"	F-48-52-D, F-48-53-C		
bản Xuân Cuối	DC	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 34' 44"	104° 00' 16"					F-48-53-C		
tiểu khu 1	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 24' 52"	104° 00' 54"					F-48-65-A		
tiểu khu 2	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 25' 02"	104° 01' 13"					F-48-65-A		
tiểu khu 3	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 25' 09"	104° 01' 12"					F-48-65-A		
quốc lộ 106	KX	xã Mường Bù	H. Mường La			21° 28' 42"	104° 01' 38"	21° 24' 07"	103° 58' 12"	F-48-65-A		
suối Bản Sang	TV	xã Mường Bù	H. Mường La			21° 26' 05"	103° 57' 26"	21° 25' 56"	103° 58' 43"	F-48-64-B		
bản Bằng Phốt	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 25' 45"	103° 59' 28"					F-48-64-B		
bản Bó Cóp	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 23' 51"	104° 01' 34"					F-48-65-A		
núi Bó Cóp	SV	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 23' 09"	104° 01' 32"					F-48-65-A		
nặng Eù	TV	xã Mường Bù	H. Mường La			21° 24' 20"	103° 58' 38"	21° 25' 50"	104° 02' 06"	F-48-64-B		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
bản Bùng	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 26' 38"	104° 00' 28"							F-48-65-A
bản Chón	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 22' 55"	104° 00' 21"							F-48-65-A
Cóp Te	SV	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 27' 40"	103° 58' 15"							F-48-64-B
bản Cúp	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 24' 37"	104° 02' 50"							F-48-65-A
bản Gián	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 25' 01"	104° 00' 29"							F-48-65-A
bản Hín Đẹp	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 27' 40"	103° 57' 22"							F-48-64-B
bản Hua Bó	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 24' 26"	103° 59' 05"							F-48-64-B
suối Huổi Luông	TV	xã Mường Bù	H. Mường La			21° 27' 29"	103° 57' 00"	21° 25' 04"	103° 59' 51"			F-48-64-B
bản Huổi Phay	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 25' 04"	104° 01' 32"							F-48-65-A
núi Kẹo Nhặt	SV	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 24' 39"	104° 03' 32"							F-48-65-A
phủ Khô	SV	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 25' 20"	104° 02' 57"							F-48-65-A
núi Lệnh Định	SV	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 24' 52"	103° 57' 33"							F-48-64-B
núi Long Na	SV	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 22' 25"	104° 01' 38"							F-48-65-A
nậm Ma	TV	xã Mường Bù	H. Mường La			21° 26' 26"	103° 56' 28"	21° 26' 05"	103° 57' 26"			F-48-64-B
bản Mường Bú	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 24' 53"	104° 00' 16"							F-48-65-A
bản Nà Có	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 24' 32"	103° 59' 51"							F-48-64-B
bản Nà Nong	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 24' 26"	104° 01' 52"							F-48-65-A
bản Nà Xi	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 22' 31"	104° 00' 27"							F-48-65-A
cầu Nậm Pàn	KX	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 24' 28"	103° 59' 29"							F-48-64-B
bản Nang Phai	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 24' 52"	103° 59' 38"							F-48-64-B
bản Ngoạng	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 25' 35"	103° 59' 03"							F-48-64-B
bản Pá Tong	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 23' 40"	104° 01' 02"							F-48-65-A
nậm Pan	TV	xã Mường Bù	H. Mường La			21° 21' 26"	104° 00' 17"	21° 24' 29"	103° 59' 27"			F-48-64-B
bản Pu Luông	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 26' 03"	103° 56' 53"							F-48-64-B
bản Sang	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 25' 58"	103° 57' 42"							F-48-64-B
bản Ta Mo	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 25' 03"	104° 00' 48"							F-48-65-A
núi Tông Nộc	SV	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 26' 28"	104° 02' 00"							F-48-65-A
bản Văn Minh	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 24' 48"	104° 00' 40"							F-48-65-A
bản Co Tông	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 19' 35"	104° 05' 55"							F-48-65-A
bản Cuông Mường	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 21' 42"	104° 05' 29"							F-48-65-A
núi Hín Non	SV	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 22' 47"	104° 07' 40"							F-48-65-A
bản Hồng	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 22' 11"	104° 08' 27"							F-48-65-A
suối Hồng	TV	xã Mường Chùm	H. Mường La			21° 19' 45"	104° 05' 34"	21° 23' 02"	104° 08' 34"			F-48-65-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Huổi Hiếu	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 21' 07"	104° 07' 26"					F-48-65-A
bản Huổi Lừu 1	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 20' 20"	104° 05' 23"					F-48-65-A
bản Huổi Lừu 2	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 20' 07"	104° 05' 36"					F-48-65-A
dãy Huổi Sắn	SV	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 21' 45"	104° 09' 02"					F-48-65-A
bản Huổi Sắn 1	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 22' 21"	104° 09' 42"					F-48-65-A
bản Huổi Sắn 2	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 22' 02"	104° 09' 55"					F-48-65-A
núi Kéo Hỏm	SV	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 23' 18"	104° 04' 53"					F-48-65-A
bản Luổng	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 20' 15"	104° 07' 12"					F-48-65-A
bản Nà Chang	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 21' 19"	104° 05' 45"					F-48-65-A
bản Nà Kham	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 21' 55"	104° 05' 03"					F-48-65-A
bản Nà Lửa	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 21' 00"	104° 06' 06"					F-48-65-A
bản Nà Nong	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 22' 27"	104° 04' 54"					F-48-65-A
bản Nà Thườn	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 23' 05"	104° 02' 43"					F-48-65-A
bản Nà Tông	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 23' 13"	104° 04' 26"					F-48-65-A
bản Nong Chay	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 21' 44"	104° 03' 48"					F-48-65-A
bản Pá Hồng	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 23' 09"	104° 08' 44"					F-48-65-A
bản Pàn	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 19' 46"	104° 07' 06"					F-48-65-A
bản Pật	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 21' 26"	104° 04' 51"					F-48-65-A
bản Péc Chai	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 20' 22"	104° 06' 49"					F-48-65-A
bản Pha Hin	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 22' 08"	104° 07' 32"					F-48-65-A
bản Ta Lư	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 21' 05"	104° 05' 19"					F-48-65-A
Ten Đông	SV	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 19' 50"	104° 07' 29"					F-48-65-A
bản Ún 1	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 23' 29"	104° 04' 04"					F-48-65-A
bản Ún 2	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 23' 17"	104° 04' 06"	21° 34' 18"	103° 53' 59"	21° 33' 25"	103° 55' 08"	F-48-65-A
huổi Ban	TV	xã Mường Trai	H. Mường La							F-48-52-D
bản Búng Cuổng	DC	xã Mường Trai	H. Mường La	21° 34' 29"	103° 56' 31"					F-48-52-D
bản Cang Mường	DC	xã Mường Trai	H. Mường La	21° 35' 48"	103° 56' 53"					F-48-52-D
sông Đà	TV	xã Mường Trai	H. Mường La			21° 32' 50"	103° 52' 57"	21° 31' 27"	103° 55' 39"	F-48-52-D
bản Hin Hòn	DC	xã Mường Trai	H. Mường La	21° 32' 15"	103° 55' 33"					F-48-52-D
bản Hua Mường	DC	xã Mường Trai	H. Mường La	21° 35' 39"	103° 57' 12"					F-48-52-D
bản Hua Nà	DC	xã Mường Trai	H. Mường La	21° 35' 48"	103° 57' 03"					F-48-52-D
bản Huổi Ban	DC	xã Mường Trai	H. Mường La	21° 33' 58"	103° 54' 12"					F-48-52-D
bản Huổi Muôn 1	DC	xã Mường Trai	H. Mường La	21° 35' 24"	103° 55' 19"					F-48-52-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Huổi Muôn 2	DC	xã Mường Trai	H. Mường La	21° 35' 36"	103° 55' 44"					F-48-52-D
bản Kìa Mòn	DC	xã Mường Trai	H. Mường La	21° 33' 37"	103° 55' 26"					F-48-52-D
huổi Luàng	TV	xã Mường Trai	H. Mường La			21° 34' 17"	103° 57' 14"	21° 34' 18"	103° 56' 24"	F-48-52-D
nặm Miù	TV	xã Mường Trai	H. Mường La			21° 36' 08"	103° 56' 18"	21° 31' 27"	103° 55' 39"	F-48-52-D
bản Nà Hứa	DC	xã Mường Trai	H. Mường La	21° 35' 22"	103° 56' 25"					F-48-52-D
bản Nôm	DC	xã Mường Trai	H. Mường La	21° 33' 12"	103° 55' 10"					F-48-52-D
bản Pá Ban	DC	xã Mường Trai	H. Mường La	21° 33' 31"	103° 55' 07"					F-48-52-D
bản Phiêng Ban	DC	xã Mường Trai	H. Mường La	21° 36' 31"	103° 57' 19"					F-48-52-D
bản Phiêng Phường	DC	xã Mường Trai	H. Mường La	21° 34' 23"	103° 56' 06"					F-48-52-D
núi Pú Păng	SV	xã Mường Trai	H. Mường La	21° 34' 59"	103° 54' 23"					F-48-52-D
bản Tra	DC	xã Mường Trai	H. Mường La	21° 34' 04"	103° 55' 53"					F-48-52-D
nặm Trai	TV	xã Mường Trai	H. Mường La			21° 36' 26"	103° 57' 50"	21° 36' 03"	103° 56' 17"	F-48-52-D
huổi Bát	TV	xã Nậm Giôn	H. Mường La			21° 33' 19"	103° 53' 07"	21° 32' 50"	103° 52' 57"	F-48-52-D
bản Co Có	DC	xã Nậm Giôn	H. Mường La	21° 34' 37"	103° 48' 47"					F-48-52-D
sông Èa	TV	xã Nậm Giôn	H. Mường La			21° 34' 14"	103° 48' 19"	21° 32' 50"	103° 52' 57"	F-48-52-D
bản Đen Đin	DC	xã Nậm Giôn	H. Mường La	21° 35' 16"	103° 52' 11"					F-48-52-D
nặm Giôn	TV	xã Nậm Giôn	H. Mường La			21° 40' 56"	103° 45' 18"	21° 34' 14"	103° 48' 19"	F-48-52-D
huổi Há	TV	xã Nậm Giôn	H. Mường La			21° 42' 30"	103° 49' 50"	21° 40' 41"	103° 48' 05"	F-48-52-D
huổi Hóc	TV	xã Nậm Giôn	H. Mường La			21° 35' 25"	103° 51' 17"	21° 36' 27"	103° 49' 47"	F-48-52-D
huổi Hợp	TV	xã Nậm Giôn	H. Mường La			21° 38' 39"	103° 50' 25"	21° 38' 19"	103° 49' 15"	F-48-52-D
bản Huổi Chà	DC	xã Nậm Giôn	H. Mường La	21° 34' 01"	103° 50' 28"					F-48-52-D
bản Huổi Chèo	DC	xã Nậm Giôn	H. Mường La	21° 39' 38"	103° 49' 00"					F-48-52-D
bản Huổi Hóc	DC	xã Nậm Giôn	H. Mường La	21° 35' 39"	103° 51' 12"					F-48-52-D
bản Huổi Lẹ	DC	xã Nậm Giôn	H. Mường La	21° 33' 09"	103° 51' 45"					F-48-52-D
bản Huổi Ngàn	DC	xã Nậm Giôn	H. Mường La	21° 40' 34"	103° 48' 09"					F-48-52-D
bản Huổi Pươi	DC	xã Nậm Giôn	H. Mường La	21° 39' 23"	103° 47' 10"					F-48-52-D
bản Huổi Sắn	DC	xã Nậm Giôn	H. Mường La	21° 37' 23"	103° 48' 06"					F-48-52-D
bản Huổi Tao	DC	xã Nậm Giôn	H. Mường La	21° 36' 31"	103° 49' 48"					F-48-52-D
huổi Lẹ	TV	xã Nậm Giôn	H. Mường La			21° 34' 44"	103° 53' 12"	21° 32' 38"	103° 51' 36"	F-48-52-D
bản Nậm Cùm	DC	xã Nậm Giôn	H. Mường La	21° 42' 43"	103° 47' 56"					F-48-52-D
huổi Ngàn	TV	xã Nậm Giôn	H. Mường La			21° 43' 54"	103° 49' 35"	21° 39' 57"	103° 48' 06"	F-48-52-D
bản Pá Dôn	DC	xã Nậm Giôn	H. Mường La	21° 34' 36"	103° 48' 38"					F-48-52-D
bản Pá Hợp	DC	xã Nậm Giôn	H. Mường La	21° 38' 10"	103° 49' 23"					F-48-52-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Pá Mông	DC	xã Nậm Giôn	H. Mường La	21° 35' 04"	103° 49' 31"					F-48-52-D
bản Pá Pù	DC	xã Nậm Giôn	H. Mường La	21° 34' 38"	103° 49' 13"					F-48-52-D
bản Púng Ngựa	DC	xã Nậm Giôn	H. Mường La	21° 41' 57"	103° 47' 44"					F-48-52-D
huổi Săn	TV	xã Nậm Giôn	H. Mường La			21° 39' 57"	103° 48' 06"	21° 39' 29"	103° 47' 57"	F-48-52-D
huổi Tàng Mạ	TV	xã Nậm Giôn	H. Mường La			21° 42' 26"	103° 47' 37"	21° 40' 47"	103° 45' 26"	F-48-52-D
huổi Bản	TV	xã Nậm Păm	H. Mường La			21° 32' 17"	104° 03' 27"	21° 32' 00"	104° 01' 33"	F-48-53-C
bản Báu	DC	xã Nậm Păm	H. Mường La	21° 34' 36"	104° 04' 38"					F-48-53-C
huổi Ca Trắng	TV	xã Nậm Păm	H. Mường La			21° 36' 27"	104° 05' 06"	21° 36' 05"	104° 06' 57"	F-48-53-C
huổi Cấn	TV	xã Nậm Păm	H. Mường La			21° 32' 16"	104° 04' 21"	21° 33' 19"	104° 03' 12"	F-48-53-C
suối Chiến	TV	xã Nậm Păm	H. Mường La			21° 34' 49"	104° 08' 14"	21° 32' 15"	104° 05' 48"	F-48-53-C
núi Co Mư	SV	xã Nậm Păm	H. Mường La	21° 36' 35"	104° 03' 21"					F-48-53-C
bản Hóc	DC	xã Nậm Păm	H. Mường La	21° 33' 52"	104° 03' 42"					F-48-53-C
bản Hua Nặm	DC	xã Nậm Păm	H. Mường La	21° 33' 04"	104° 01' 51"					F-48-53-C
bản Hua Piêng	DC	xã Nậm Păm	H. Mường La	21° 36' 05"	104° 01' 36"					F-48-53-C
bản Huổi Có	DC	xã Nậm Păm	H. Mường La	21° 33' 00"	104° 04' 34"					F-48-53-C
bản Huổi Hóc	DC	xã Nậm Păm	H. Mường La	21° 33' 59"	104° 04' 28"					F-48-53-C
bản It	DC	xã Nậm Păm	H. Mường La	21° 34' 45"	104° 05' 16"					F-48-53-C
núi Khau Phong	SV	xã Nậm Păm	H. Mường La	21° 33' 06"	104° 05' 12"					F-48-53-C
núi Lán Té	SV	xã Nậm Păm	H. Mường La	21° 36' 37"	104° 01' 25"					F-48-53-C
huổi Lát	TV	xã Nậm Păm	H. Mường La			21° 36' 49"	104° 03' 42"	21° 35' 30"	104° 03' 36"	F-48-53-C
bản Liêng	DC	xã Nậm Păm	H. Mường La	21° 33' 14"	104° 03' 10"					F-48-53-C
bản Nong Bấu	DC	xã Nậm Păm	H. Mường La	21° 32' 25"	104° 03' 53"					F-48-53-C
nậm Păm	TV	xã Nậm Păm	H. Mường La			21° 34' 43"	104° 04' 37"	21° 31' 14"	104° 01' 09"	F-48-53-C
bản Piêng	DC	xã Nậm Păm	H. Mường La	21° 34' 50"	104° 04' 33"					F-48-53-C
nậm Piêng	TV	xã Nậm Păm	H. Mường La	21° 30' 42"	104° 03' 32"					F-48-53-C
bản Púng Quài	DC	xã Nậm Păm	H. Mường La	21° 35' 08"	104° 07' 14"					F-48-53-C
núi Sam Síp	SV	xã Nậm Păm	H. Mường La	21° 36' 50"	104° 04' 53"					F-48-53-C
huổi Sỏi	TV	xã Nậm Păm	H. Mường La	21° 37' 23"	104° 14' 05"					F-48-53-C
núi Sua Té	SV	xã Nậm Păm	H. Mường La			21° 35' 46"	104° 04' 27"	21° 34' 51"	104° 04' 17"	F-48-53-C
bản Chằm Pộng	DC	xã Ngọc Chiến	H. Mường La							F-48-53-C
nậm Chiến	TV	xã Ngọc Chiến	H. Mường La			21° 39' 34"	104° 17' 23"	21° 39' 17"	104° 16' 58"	F-48-53-D
suối Chiến	TV	xã Ngọc Chiến	H. Mường La			21° 39' 55"	104° 15' 56"	21° 35' 13"	104° 08' 16"	F-48-53-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Chom Khâu	DC	xã Ngọc Chiến	H. Mường La	21° 35' 39"	104° 07' 37"					F-48-53-C
nậm Dẻ	TV	xã Ngọc Chiến	H. Mường La			21° 39' 57"	104° 13' 08"	21° 39' 17"	104° 14' 23"	F-48-53-C
núi Đán Đét	SV	xã Ngọc Chiến	H. Mường La	21° 36' 31"	104° 15' 34"					F-48-53-D
núi Đán Háy	SV	xã Ngọc Chiến	H. Mường La	21° 33' 43"	104° 11' 06"					F-48-53-C
bản Đông Suồng	DC	xã Ngọc Chiến	H. Mường La	21° 37' 56"	104° 12' 45"					F-48-53-C
bản Giang Phủng	DC	xã Ngọc Chiến	H. Mường La	21° 38' 06"	104° 16' 41"					F-48-53-D
sườn Háng Pả La	TV	xã Ngọc Chiến	H. Mường La			21° 35' 11"	104° 16' 03"	21° 34' 53"	104° 14' 57"	F-48-53-D
bản Huổi Ngựa	DC	xã Ngọc Chiến	H. Mường La	21° 35' 47"	104° 09' 37"					F-48-53-C
bản Kê	DC	xã Ngọc Chiến	H. Mường La	21° 36' 08"	104° 07' 56"					F-48-53-C
nậm Kê	TV	xã Ngọc Chiến	H. Mường La	21° 36' 28"	104° 09' 18"			21° 36' 59"	104° 07' 12"	F-48-53-C
bản Khau Vai	DC	xã Ngọc Chiến	H. Mường La							F-48-53-C
nậm Khoa	TV	xã Ngọc Chiến	H. Mường La			21° 37' 09"	104° 07' 21"	21° 36' 15"	104° 08' 59"	F-48-53-C
nậm Khốt	TV	xã Ngọc Chiến	H. Mường La			21° 38' 58"	104° 10' 26"	21° 36' 50"	104° 10' 23"	F-48-53-C
bản Lợng Cang	DC	xã Ngọc Chiến	H. Mường La	21° 36' 38"	104° 11' 26"					F-48-53-C
bản Lướt	DC	xã Ngọc Chiến	H. Mường La	21° 38' 54"	104° 13' 59"					F-48-53-C
bản Mường Chiến	DC	xã Ngọc Chiến	H. Mường La	21° 39' 18"	104° 16' 01"					F-48-53-D
bản Nà Bá	DC	xã Ngọc Chiến	H. Mường La	21° 38' 08"	104° 12' 58"					F-48-53-C
bản Nà Tàu	DC	xã Ngọc Chiến	H. Mường La	21° 38' 56"	104° 15' 58"					F-48-53-D
sườn Nậm Béo	TV	xã Ngọc Chiến	H. Mường La			21° 37' 03"	104° 15' 58"	21° 38' 32"	104° 14' 08"	F-48-53-C
bản Nậm Nghiệp	DC	xã Ngọc Chiến	H. Mường La	21° 35' 42"	104° 14' 46"					F-48-53-C
nậm Nghiệp	TV	xã Ngọc Chiến	H. Mường La			21° 34' 53"	104° 14' 57"	21° 36' 28"	104° 09' 42"	F-48-53-C
bản Pá Te	DC	xã Ngọc Chiến	H. Mường La	21° 36' 00"	104° 07' 54"					F-48-53-C
sườn Phan Bua Tua Rua	TV	xã Ngọc Chiến	H. Mường La	21° 38' 12"	104° 13' 23"			21° 34' 53"	104° 14' 57"	F-48-53-D
bản Phày	DC	xã Ngọc Chiến	H. Mường La			21° 39' 21"	104° 12' 13"	21° 38' 37"	104° 13' 28"	F-48-53-C
nậm Phày	TV	xã Ngọc Chiến	H. Mường La	21° 38' 36"	104° 17' 47"					F-48-53-D
bản Pú Dãnh	DC	xã Ngọc Chiến	H. Mường La			21° 38' 40"	104° 17' 28"	21° 39' 28"	104° 16' 04"	F-48-53-D
sườn Pú Dãnh	TV	xã Ngọc Chiến	H. Mường La			21° 37' 45"	104° 08' 28"	21° 36' 25"	104° 09' 28"	F-48-53-C
nậm Sắng	TV	xã Ngọc Chiến	H. Mường La	21° 38' 38"	104° 10' 16"					F-48-53-C
bản Sô Lông	DC	xã Ngọc Chiến	H. Mường La	21° 39' 34"	104° 15' 57"					F-48-53-D
bản Tu Ngồng	DC	xã Ngọc Chiến	H. Mường La			21° 32' 18"	103° 58' 43"	21° 33' 10"	103° 59' 30"	F-48-52-D
huổi Bó	TV	xã Pí Toong	H. Mường La							F-48-53-C
bản Cang	DC	xã Pí Toong	H. Mường La	21° 32' 34"	104° 00' 17"					F-48-52-D
bản Hua Nà	DC	xã Pí Toong	H. Mường La	21° 33' 16"	103° 58' 59"					F-48-52-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
dãy núi Kho Mường	SV	xã Pí Toong	H. Mường La	21° 32' 38"	103° 58' 22"						F-48-52-D	
núi Lán Luồng	SV	xã Pí Toong	H. Mường La	21° 34' 14"	103° 59' 33"						F-48-52-D	
bản Lừa Luồng	DC	xã Pí Toong	H. Mường La	21° 33' 03"	103° 59' 24"						F-48-52-D	
bản Nà Bướm	DC	xã Pí Toong	H. Mường La	21° 32' 50"	103° 59' 54"						F-48-53-C	
bản Nà Nôm	DC	xã Pí Toong	H. Mường La	21° 33' 00"	103° 59' 11"						F-48-52-D	
bản Nà Núa	DC	xã Pí Toong	H. Mường La	21° 33' 53"	103° 58' 53"						F-48-52-D	
bản Nà Phia	DC	xã Pí Toong	H. Mường La	21° 33' 35"	103° 59' 10"						F-48-52-D	
núi Nà Po	SV	xã Pí Toong	H. Mường La	21° 33' 27"	103° 57' 28"						F-48-52-D	
bản Nà Trô	DC	xã Pí Toong	H. Mường La	21° 33' 50"	103° 58' 38"						F-48-52-D	
bản Nong Pí	DC	xã Pí Toong	H. Mường La	21° 33' 24"	103° 59' 35"	21° 33' 03"	103° 58' 07"	21° 33' 27"	103° 59' 15"		F-48-52-D	
huổi Păn	TV	xã Pí Toong	H. Mường La								F-48-52-D	
bản Phiêng	DC	xã Pí Toong	H. Mường La	21° 32' 29"	103° 59' 57"						F-48-53-C	
bản Pí	DC	xã Pí Toong	H. Mường La	21° 33' 15"	104° 00' 19"						F-48-53-C	
bản Ten	DC	xã Pí Toong	H. Mường La	21° 32' 07"	104° 00' 13"						F-48-53-C	
bản Tong	DC	xã Pí Toong	H. Mường La	21° 33' 30"	103° 58' 52"						F-48-52-D	
nậm Toong	TV	xã Pí Toong	H. Mường La			21° 33' 49"	103° 58' 51"	21° 31' 43"	104° 00' 41"		F-48-52-D	
đường tỉnh 106	KX	xã Tạ Bú	H. Mường La			21° 28' 42"	104° 01' 38"	21° 25' 47"	104° 02' 06"		F-48-55-A	
bản Bắc	DC	xã Tạ Bú	H. Mường La	21° 26' 20"	104° 05' 09"						F-48-55-A	
suối Bắc	TV	xã Tạ Bú	H. Mường La			21° 24' 11"	104° 05' 16"	21° 26' 12"	104° 05' 15"		F-48-55-A	
nậm Bú	TV	xã Tạ Bú	H. Mường La			21° 25' 50"	104° 02' 06"	21° 27' 07"	104° 03' 09"		F-48-55-A	
bản Búng	DC	xã Tạ Bú	H. Mường La	21° 26' 46"	104° 03' 32"						F-48-55-A	
bản Buôi	DC	xã Tạ Bú	H. Mường La	21° 25' 00"	104° 04' 34"						F-48-55-A	
bản Chom Cọ	DC	xã Tạ Bú	H. Mường La	21° 24' 58"	104° 06' 02"						F-48-55-A	
pu Cọ	SV	xã Tạ Bú	H. Mường La	21° 24' 56"	104° 05' 44"						F-48-55-A	
sông Đà	TV	xã Tạ Bú	H. Mường La			21° 29' 51"	103° 59' 32"	21° 25' 25"	104° 07' 23"		F-48-55-A	
huổi Hịa	TV	xã Tạ Bú	H. Mường La			21° 28' 39"	103° 59' 17"	21° 29' 49"	103° 59' 33"		F-48-55-A	
bản Két	DC	xã Tạ Bú	H. Mường La	21° 28' 15"	104° 01' 45"						F-48-55-A	
bản Mòn	DC	xã Tạ Bú	H. Mường La	21° 26' 26"	104° 02' 56"						F-48-55-A	
bản Noong Phụ	DC	xã Tạ Bú	H. Mường La	21° 28' 18"	103° 59' 02"						F-48-64-B	
suối Noong Phụ	TV	xã Tạ Bú	H. Mường La			21° 27' 40"	104° 00' 01"	21° 28' 10"	104° 01' 51"		F-48-65-A	
bản Pá Tong	DC	xã Tạ Bú	H. Mường La	21° 28' 31"	104° 00' 17"						F-48-65-A	
bản Pầu	DC	xã Tạ Bú	H. Mường La	21° 25' 48"	104° 06' 52"						F-48-65-A	
suối Pầu	TV	xã Tạ Bú	H. Mường La			21° 25' 14"	104° 06' 42"	21° 25' 22"	104° 07' 18"		F-48-65-A	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
bản Pét	DC	xã Tạ Bú	H. Mường La	21° 26' 59"	104° 04' 25"						F-48-65-A	
bản Tạ Bú	DC	xã Tạ Bú	H. Mường La	21° 27' 38"	104° 02' 29"						F-48-65-A	
bản Thẩm Hôn	DC	xã Tạ Bú	H. Mường La	21° 29' 00"	104° 00' 02"						F-48-65-A	
bản Tôm	DC	xã Tạ Bú	H. Mường La	21° 26' 31"	104° 05' 58"						F-48-65-A	
bản Bắc Bần	DC	xã Bắc Phong	H. Phù Yên	21° 03' 13"	104° 36' 02"						F-48-66-C-c	
suối Bắc Bần	TV	xã Bắc Phong	H. Phù Yên			21° 05' 00"	104° 38' 15"	21° 02' 39"	104° 36' 25"		F-48-66-C-d, F-48-66-C-c	
suối Bái	TV	xã Bắc Phong	H. Phù Yên			21° 04' 37"	104° 40' 03"	21° 02' 44"	104° 39' 48"		F-48-66-C-d	
bản Bãi Con	DC	xã Bắc Phong	H. Phù Yên	21° 02' 41"	104° 40' 37"						F-48-66-C-d	
bản Bó Mý	DC	xã Bắc Phong	H. Phù Yên	21° 03' 04"	104° 41' 30"						F-48-66-C-d	
bản Bó Vá	DC	xã Bắc Phong	H. Phù Yên	21° 03' 24"	104° 37' 05"						F-48-66-C-c	
bản Bura Đa	DC	xã Bắc Phong	H. Phù Yên	21° 04' 06"	104° 37' 13"						F-48-66-C-c	
sông Đà	TV	xã Bắc Phong	H. Phù Yên			21° 03' 08"	104° 35' 49"	21° 03' 13"	104° 42' 19"		F-48-66-C-d	
bản Đá Phở	DC	xã Bắc Phong	H. Phù Yên	21° 03' 23"	104° 38' 21"						F-48-66-C-d	
núi Hang	SV	xã Bắc Phong	H. Phù Yên	21° 03' 47"	104° 40' 58"						F-48-66-C-d	
suối Mỏi	TV	xã Bắc Phong	H. Phù Yên			21° 03' 57"	104° 38' 31"	21° 02' 45"	104° 38' 51"		F-48-66-C-d	
núi Pa	SV	xã Bắc Phong	H. Phù Yên	21° 05' 40"	104° 37' 51"			21° 04' 02"	104° 39' 35"		F-48-66-C-d	
suối Sen	TV	xã Bắc Phong	H. Phù Yên								F-48-66-C-d	
núi Suối Cù	SV	xã Bắc Phong	H. Phù Yên	21° 04' 30"	104° 39' 36"						F-48-66-C-c	
núi Tiều	SV	xã Bắc Phong	H. Phù Yên	21° 04' 02"	104° 36' 39"						F-48-66-C-c	
bản Bãi Sại	DC	xã Đá Đỏ	H. Phù Yên	21° 04' 22"	104° 31' 28"						F-48-66-C-c	
núi Biền	SV	xã Đá Đỏ	H. Phù Yên	21° 05' 33"	104° 34' 44"						F-48-66-C-c	
bản Bông Lau	DC	xã Đá Đỏ	H. Phù Yên	21° 04' 44"	104° 35' 00"						F-48-66-C-c	
bản Bông Sen	DC	xã Đá Đỏ	H. Phù Yên	21° 05' 01"	104° 34' 08"						F-48-66-C-c	
bản Cửa Sập	DC	xã Đá Đỏ	H. Phù Yên	21° 05' 51"	104° 30' 58"						F-48-66-C-c	
sông Đà	TV	xã Đá Đỏ	H. Phù Yên			21° 05' 53"	104° 30' 45"	21° 03' 08"	104° 35' 49"		F-48-66-C-c	
bản Đá Đỏ	DC	xã Đá Đỏ	H. Phù Yên	21° 05' 52"	104° 33' 59"						F-48-66-C-c	
suối Đá Đỏ	TV	xã Đá Đỏ	H. Phù Yên			21° 06' 15"	104° 34' 15"	21° 05' 04"	104° 33' 43"		F-48-66-C-c	
núi Đồn Ngổ	SV	xã Đá Đỏ	H. Phù Yên	21° 05' 58"	104° 32' 02"						F-48-66-C-c	
nậm Nậm Phoi	TV	xã Đá Đỏ	H. Phù Yên			21° 05' 31"	104° 36' 04"	21° 04' 37"	104° 34' 06"		F-48-66-C-c	
suối On	TV	xã Đá Đỏ	H. Phù Yên			21° 07' 14"	104° 33' 19"	21° 05' 09"	104° 32' 58"		F-48-66-C-c	
suối Sập	TV	xã Đá Đỏ	H. Phù Yên			21° 07' 23"	104° 31' 51"	21° 05' 53"	104° 30' 45"		F-48-66-C-c	
bản Suối Tiều	DC	xã Đá Đỏ	H. Phù Yên	21° 04' 08"	104° 36' 16"						F-48-66-C-c	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)			
bến Tang Nang	DC	xã Đá Đỏ	H. Phù Yên	21° 03' 33"	104° 34' 57"						F-48-66-C-c	
núi Ten Luông	SV	xã Đá Đỏ	H. Phù Yên	21° 05' 46"	104° 35' 04"						F-48-66-C-c	
suối Tiểu	TV	xã Đá Đỏ	H. Phù Yên			21° 04' 07"	104° 36' 05"	21° 03' 32"	104° 35' 43"		F-48-66-C-c	
bến Vàng A	DC	xã Đá Đỏ	H. Phù Yên	21° 04' 48"	104° 32' 28"						F-48-66-C-c	
bến Vàng B	DC	xã Đá Đỏ	H. Phù Yên	21° 05' 13"	104° 32' 54"						F-48-66-C-c	
quốc lộ 37	KX	xã Gia Phù	H. Phù Yên			21° 13' 07"	104° 32' 50"	21° 12' 06"	104° 36' 33"		F-48-66-C-a	
cầu Bản Chát	KX	xã Gia Phù	H. Phù Yên	21° 11' 43"	104° 36' 21"						F-48-66-C-a	
cầu Bản Nhọt	KX	xã Gia Phù	H. Phù Yên	21° 12' 54"	104° 33' 28"						F-48-66-C-a	
suối Bùa	TV	xã Gia Phù	H. Phù Yên			21° 12' 53"	104° 33' 27"	21° 11' 48"	104° 36' 41"		F-48-66-C-a	
bến Chát	DC	xã Gia Phù	H. Phù Yên	21° 11' 40"	104° 35' 55"						F-48-66-C-a	
suối Chát	TV	xã Gia Phù	H. Phù Yên			21° 10' 48"	104° 35' 32"	21° 11' 49"	104° 36' 28"		F-48-66-C-a	
suối Công	TV	xã Gia Phù	H. Phù Yên			21° 13' 27"	104° 35' 53"	21° 11' 48"	104° 36' 41"		F-48-66-C-a	
suối Dinh	TV	xã Gia Phù	H. Phù Yên			21° 13' 41"	104° 33' 16"	21° 13' 06"	104° 33' 08"		F-48-66-C-a	
suối Đường	TV	xã Gia Phù	H. Phù Yên			21° 11' 50"	104° 33' 57"	21° 12' 35"	104° 34' 22"		F-48-66-C-a	
suối Hôn Nao	TV	xã Gia Phù	H. Phù Yên			21° 13' 31"	104° 33' 45"	21° 12' 59"	104° 33' 41"		F-48-66-C-a	
núi Khưm Huột	SV	xã Gia Phù	H. Phù Yên	21° 13' 45"	104° 35' 27"						F-48-66-C-a	
bến Lá	DC	xã Gia Phù	H. Phù Yên	21° 12' 07"	104° 36' 27"						F-48-66-C-a	
bến Lìn	DC	xã Gia Phù	H. Phù Yên	21° 12' 17"	104° 34' 52"						F-48-66-C-a	
suối Lìn	TV	xã Gia Phù	H. Phù Yên			21° 11' 43"	104° 34' 32"	21° 12' 26"	104° 34' 57"		F-48-66-C-a	
suối Luồn	TV	xã Gia Phù	H. Phù Yên			21° 13' 32"	104° 34' 55"	21° 12' 25"	104° 35' 08"		F-48-66-C-a	
phố Mới	DC	xã Gia Phù	H. Phù Yên	21° 11' 30"	104° 36' 37"						F-48-66-C-a	
bến Nà Khăm 1	DC	xã Gia Phù	H. Phù Yên	21° 11' 52"	104° 35' 58"						F-48-66-C-a	
bến Nà Khăm 2	DC	xã Gia Phù	H. Phù Yên	21° 11' 43"	104° 35' 50"						F-48-66-C-a	
bến Nà Mạc 1	DC	xã Gia Phù	H. Phù Yên	21° 12' 18"	104° 36' 12"						F-48-66-C-a	
bến Nà Mạc 2	DC	xã Gia Phù	H. Phù Yên	21° 12' 22"	104° 36' 21"						F-48-66-C-a	
phố Ngã Ba	DC	xã Gia Phù	H. Phù Yên	21° 11' 48"	104° 36' 09"						F-48-66-C-a	
núi Ngọn Suối Tường	SV	xã Gia Phù	H. Phù Yên	21° 14' 13"	104° 34' 17"						F-48-66-C-a	
đèo Nhọt	SV	xã Gia Phù	H. Phù Yên	21° 13' 20"	104° 32' 06"						F-48-66-C-a	
suối Nhọt	TV	xã Gia Phù	H. Phù Yên			21° 12' 16"	104° 33' 01"	21° 12' 53"	104° 33' 27"		F-48-66-C-a	
bến Nhọt 1	DC	xã Gia Phù	H. Phù Yên	21° 12' 49"	104° 33' 42"						F-48-66-C-a	
bến Nhọt 2	DC	xã Gia Phù	H. Phù Yên	21° 12' 38"	104° 34' 06"						F-48-66-C-a	
suối Nôm	TV	xã Gia Phù	H. Phù Yên			21° 13' 08"	104° 32' 11"	21° 13' 07"	104° 32' 49"		F-48-66-C-a	
suối Tắc Cầm	TV	xã Gia Phù	H. Phù Yên			21° 13' 23"	104° 34' 13"	21° 12' 43"	104° 34' 04"		F-48-66-C-a	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
phố Tân Lập	DC	xã Gia Phú	H. Phú Yên	21° 12' 08"	104° 36' 08"						F-48-66-C-a	
bản Tạo 1	DC	xã Gia Phú	H. Phú Yên	21° 12' 00"	104° 35' 22"						F-48-66-C-a	
bản Tạo 2	DC	xã Gia Phú	H. Phú Yên	21° 12' 00"	104° 35' 41"						F-48-66-C-a	
hồ Thổ Côn	TV	xã Gia Phú	H. Phú Yên	21° 11' 20"	104° 36' 27"						F-48-66-C-a	
núi Tô	SV	xã Gia Phú	H. Phú Yên	21° 13' 50"	104° 32' 32"						F-48-66-C-a	
bản Vĩ	DC	xã Gia Phú	H. Phú Yên	21° 12' 11"	104° 35' 15"						F-48-66-C-a	
bản Dèm Hạ	DC	xã Huy Bắc	H. Phú Yên	21° 15' 13"	104° 37' 40"						F-48-66-A-d	
bản Dèm Thượng	DC	xã Huy Bắc	H. Phú Yên	21° 15' 42"	104° 37' 26"						F-48-66-A-c	
suối Khang	TV	xã Huy Bắc	H. Phú Yên			21° 17' 22"	104° 37' 08"	21° 16' 33"	104° 36' 50"		F-48-66-A-c	
bản Kim Tân	DC	xã Huy Bắc	H. Phú Yên	21° 15' 15"	104° 38' 11"						F-48-66-A-d	
suối Làng	TV	xã Huy Bắc	H. Phú Yên			21° 17' 04"	104° 36' 03"	21° 15' 08"	104° 37' 55"		F-48-66-A-c, F-48-66-A-d	
núi Lím	SV	xã Huy Bắc	H. Phú Yên	21° 15' 48"	104° 35' 20"						F-48-66-A-c	
núi Lũng Khoai	SV	xã Huy Bắc	H. Phú Yên	21° 17' 27"	104° 36' 34"						F-48-66-A-c	
bản Nà Phái	DC	xã Huy Bắc	H. Phú Yên	21° 15' 40"	104° 38' 03"						F-48-66-A-d	
núi Nong Cóp	SV	xã Huy Bắc	H. Phú Yên	21° 14' 48"	104° 36' 20"						F-48-66-C-a	
bản Phai Làng	DC	xã Huy Bắc	H. Phú Yên	21° 15' 48"	104° 37' 37"						F-48-66-A-d	
lâm trường Phú Bắc Yên	KX	xã Huy Bắc	H. Phú Yên	21° 16' 39"	104° 37' 05"	21° 20' 57"	103° 35' 39"	21° 25' 04"	103° 40' 28"		F-48-66-A-c	
núi Pu Khe	SV	xã Huy Bắc	H. Phú Yên	21° 15' 46"	104° 36' 34"						F-48-66-A-c	
bản Sây Tú	DC	xã Huy Bắc	H. Phú Yên	21° 14' 28"	104° 34' 39"						F-48-66-C-a	
bản Suối Làng	DC	xã Huy Bắc	H. Phú Yên	21° 15' 52"	104° 38' 09"						F-48-66-A-d	
núi Tọ	SV	xã Huy Bắc	H. Phú Yên	21° 15' 59"	104° 34' 22"						F-48-66-A-c	
suối Tọ	TV	xã Huy Bắc	H. Phú Yên			21° 15' 02"	104° 35' 33"	21° 14' 51"	104° 37' 23"		F-48-66-A-c	
bản Tọ Thượng	DC	xã Huy Bắc	H. Phú Yên	21° 15' 23"	104° 37' 09"						F-48-66-A-c	
đường tỉnh 114	KX	xã Huy Hạ	H. Phú Yên			21° 14' 44"	104° 38' 15"	21° 13' 12"	104° 38' 47"		F-48-66-C-b	
bản Bó 1	DC	xã Huy Hạ	H. Phú Yên	21° 14' 18"	104° 37' 44"						F-48-66-C-b	
bản Bó 2	DC	xã Huy Hạ	H. Phú Yên	21° 14' 01"	104° 37' 37"						F-48-66-C-b	
suối Bốc	TV	xã Huy Hạ	H. Phú Yên			21° 13' 48"	104° 40' 18"	21° 13' 14"	104° 39' 00"		F-48-66-C-b	
suối Cạn	TV	xã Huy Hạ	H. Phú Yên			21° 13' 13"	104° 38' 37"	21° 14' 01"	104° 38' 41"		F-48-66-C-b	
bản Đồng Cù	DC	xã Huy Hạ	H. Phú Yên	21° 14' 18"	104° 38' 04"						F-48-66-C-b	
Đồng Đa	DC	xã Huy Hạ	H. Phú Yên	21° 15' 16"	104° 38' 14"						F-48-66-A-d	
bản Đồng Lương	DC	xã Huy Hạ	H. Phú Yên	21° 14' 31"	104° 37' 22"						F-48-66-C-b	
bản Đồng Lý	DC	xã Huy Hạ	H. Phú Yên	21° 14' 25"	104° 38' 21"						F-48-66-C-b	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Làng	TV	xã Huy Hạ	H. Phù Yên	21° 14' 41"	104° 38' 40"	21° 15' 08"	104° 37' 55"	21° 14' 22"	104° 38' 04"	F-48-66-C-b
bản Nà Liu 1	DC	xã Huy Hạ	H. Phù Yên	21° 14' 07"	104° 38' 44"					F-48-66-C-b
bản Nà Liu 2	DC	xã Huy Hạ	H. Phù Yên	21° 14' 49"	104° 38' 53"					F-48-66-C-b
bản Nà Lò 1	DC	xã Huy Hạ	H. Phù Yên	21° 14' 34"	104° 38' 49"					F-48-66-C-b
bản Nà Lò 2	DC	xã Huy Hạ	H. Phù Yên	21° 14' 58"	104° 38' 52"					F-48-66-C-b
bản Nà Lò 3	DC	xã Huy Hạ	H. Phù Yên	21° 13' 16"	104° 37' 59"					F-48-66-C-b
núi Nà Mọn	SV	xã Huy Hạ	H. Phù Yên							F-48-66-C-b
suối Ngọt	TV	xã Huy Hạ	H. Phù Yên			21° 15' 08"	104° 38' 17"	21° 14' 39"	104° 38' 14"	F-48-66-C-b
suối Phày	TV	xã Huy Hạ	H. Phù Yên			21° 14' 23"	104° 36' 25"	21° 14' 07"	104° 37' 40"	F-48-66-C-b, F-48-66-C-a
núi Suối Cù	SV	xã Huy Hạ	H. Phù Yên	21° 13' 17"	104° 41' 04"					F-48-66-C-b
cầu Suối Làng	KX	xã Huy Hạ	H. Phù Yên	21° 14' 35"	104° 38' 02"					F-48-66-C-b
bản Suối Nhúng	DC	xã Huy Hạ	H. Phù Yên	21° 12' 29"	104° 40' 40"					F-48-66-C-b
suối Tắc	TV	xã Huy Hạ	H. Phù Yên			21° 15' 02"	104° 39' 04"	21° 13' 55"	104° 37' 32"	F-48-66-C-b
suối Tọ	TV	xã Huy Hạ	H. Phù Yên			21° 14' 51"	104° 37' 23"	21° 14' 15"	104° 37' 51"	F-48-66-C-b
bản Tọ 1	DC	xã Huy Hạ	H. Phù Yên	21° 14' 53"	104° 37' 34"					F-48-66-C-b
bản Tọ 2	DC	xã Huy Hạ	H. Phù Yên	21° 14' 43"	104° 37' 42"					F-48-66-C-b
bản Xà 1	DC	xã Huy Hạ	H. Phù Yên	21° 14' 57"	104° 37' 51"					F-48-66-C-b
bản Xà 2	DC	xã Huy Hạ	H. Phù Yên	21° 14' 54"	104° 37' 55"					F-48-66-C-b
bản Xưởng Đường	DC	xã Huy Hạ	H. Phù Yên	21° 13' 56"	104° 37' 22"					F-48-66-C-a
trại cải tạo Yên Hạ	KX	xã Huy Hạ	H. Phù Yên	21° 14' 28"	104° 38' 40"					F-48-66-C-b
hồ Bản Lềm	TV	xã Huy Tân	H. Phù Yên	21° 15' 45"	104° 41' 28"					F-48-66-A-d
suối Cù	TV	xã Huy Tân	H. Phù Yên			21° 13' 59"	104° 41' 17"	21° 15' 26"	104° 39' 54"	F-48-66-C-b, F-48-66-A-d
bản Cù 1	DC	xã Huy Tân	H. Phù Yên	21° 15' 08"	104° 40' 27"					F-48-66-A-d
bản Cù 2	DC	xã Huy Tân	H. Phù Yên	21° 15' 26"	104° 40' 06"					F-48-66-A-d
bản Giáo 1	DC	xã Huy Tân	H. Phù Yên	21° 15' 15"	104° 39' 31"					F-48-66-A-d
bản Giáo 2	DC	xã Huy Tân	H. Phù Yên	21° 14' 55"	104° 39' 32"					F-48-66-C-b
bản Giáo 3	DC	xã Huy Tân	H. Phù Yên	21° 14' 58"	104° 39' 54"					F-48-66-C-b
bản Kim Thượng	DC	xã Huy Tân	H. Phù Yên	21° 15' 48"	104° 40' 21"					F-48-66-A-d
bản Lềm	DC	xã Huy Tân	H. Phù Yên	21° 15' 44"	104° 41' 46"					F-48-66-A-d
suối Lềm	TV	xã Huy Tân	H. Phù Yên			21° 15' 48"	104° 41' 26"	21° 15' 28"	104° 39' 31"	F-48-66-A-d
núi Pù Pầu	SV	xã Huy Tân	H. Phù Yên	21° 14' 34"	104° 42' 00"					F-48-66-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Puôi 1	DC	xã Huy Tân	H. Phú Yên	21° 15' 36"	104° 40' 13"					F-48-66-A-d
bản Puôi 2	DC	xã Huy Tân	H. Phú Yên	21° 15' 54"	104° 40' 07"					F-48-66-A-d
bản Puôi 3	DC	xã Huy Tân	H. Phú Yên	21° 15' 43"	104° 39' 39"					F-48-66-A-d
bản Suối Cùi	DC	xã Huy Tân	H. Phú Yên	21° 13' 32"	104° 41' 44"					F-48-66-C-b
suối Tác	TV	xã Huy Tân	H. Phú Yên			21° 16' 06"	104° 39' 32"	21° 15' 02"	104° 39' 04"	F-48-66-A-d
bản Tân Giáo	DC	xã Huy Tân	H. Phú Yên	21° 15' 03"	104° 39' 22"					F-48-66-A-d
núi Tạng Pan	SV	xã Huy Tân	H. Phú Yên	21° 14' 26"	104° 39' 54"					F-48-66-C-b
bản Thượng Phong	DC	xã Huy Tân	H. Phú Yên	21° 15' 59"	104° 40' 47"					F-48-66-A-d
quốc lộ 37	KX	xã Huy Thượng	H. Phú Yên			21° 17' 31"	104° 41' 12"	21° 16' 48"	104° 39' 46"	F-48-66-A-d
đèo Ban	SV	xã Huy Thượng	H. Phú Yên	21° 17' 29"	104° 41' 10"					F-48-66-A-d
suối Ban	TV	xã Huy Thượng	H. Phú Yên			21° 17' 25"	104° 41' 08"	21° 16' 13"	104° 40' 23"	F-48-66-A-d
bản Ban 1	DC	xã Huy Thượng	H. Phú Yên	21° 16' 33"	104° 40' 36"					F-48-66-A-d
bản Ban 2	DC	xã Huy Thượng	H. Phú Yên	21° 16' 22"	104° 40' 32"					F-48-66-A-d
bản Chài 1	DC	xã Huy Thượng	H. Phú Yên	21° 15' 59"	104° 40' 20"					F-48-66-A-d
bản Chài 2	DC	xã Huy Thượng	H. Phú Yên	21° 16' 17"	104° 40' 06"					F-48-66-A-d
bản Kiu 1	DC	xã Huy Thượng	H. Phú Yên	21° 16' 12"	104° 39' 38"					F-48-66-A-d
bản Kiu 2	DC	xã Huy Thượng	H. Phú Yên	21° 16' 07"	104° 39' 40"					F-48-66-A-d
núi Năm Tấn	SV	xã Huy Thượng	H. Phú Yên	21° 17' 27"	104° 40' 31"					F-48-66-A-d
bản Núi Hồng	DC	xã Huy Thượng	H. Phú Yên	21° 16' 13"	104° 42' 54"					F-48-66-A-d
Tân Ban	DC	xã Huy Thượng	H. Phú Yên	21° 16' 40"	104° 40' 51"					F-48-66-A-d
bản Ün 1	DC	xã Huy Thượng	H. Phú Yên	21° 16' 47"	104° 39' 57"					F-48-66-A-d
bản Ün 2	DC	xã Huy Thượng	H. Phú Yên	21° 16' 39"	104° 40' 23"					F-48-66-A-d
bản Ün 3	DC	xã Huy Thượng	H. Phú Yên	21° 16' 32"	104° 39' 45"					F-48-66-A-d
bản Chiềng Lương	DC	xã Huy Tường	H. Phú Yên	21° 12' 46"	104° 38' 51"					F-48-66-C-b
bản Công	DC	xã Huy Tường	H. Phú Yên	21° 12' 12"	104° 39' 05"					F-48-66-C-b
núi Dao	SV	xã Huy Tường	H. Phú Yên	21° 12' 23"	104° 42' 30"					F-48-66-C-b
suối Hòm	TV	xã Huy Tường	H. Phú Yên			21° 12' 02"	104° 39' 44"	21° 11' 02"	104° 40' 12"	F-48-66-C-b
bản Muồng Thượng	DC	xã Huy Tường	H. Phú Yên	21° 12' 24"	104° 38' 53"					F-48-66-C-b
bản Nà Lương	DC	xã Huy Tường	H. Phú Yên	21° 13' 06"	104° 38' 39"					F-48-66-C-b
suối Nhung	TV	xã Huy Tường	H. Phú Yên			21° 12' 26"	104° 40' 40"	21° 11' 36"	104° 40' 04"	F-48-66-C-b
bản Nong Púng	DC	xã Huy Tường	H. Phú Yên	21° 11' 51"	104° 39' 31"					F-48-66-C-b
hồ Suối Hòm	TV	xã Huy Tường	H. Phú Yên	21° 12' 07"	104° 39' 37"					F-48-66-C-b
bản Tân Lương 1	DC	xã Huy Tường	H. Phú Yên	21° 11' 50"	104° 39' 12"					F-48-66-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)			
bản Tân Lương 2	DC	xã Huy Tường	H. Phù Yên	21° 11' 34"	104° 38' 56"						F-48-66-C-b	
bản Tân Tiến	DC	xã Huy Tường	H. Phù Yên	21° 13' 03"	104° 38' 50"						F-48-66-C-b	
núi Tráng Cặp	SV	xã Huy Tường	H. Phù Yên	21° 12' 16"	104° 38' 20"						F-48-66-C-b	
suối Bắc Bản	TV	xã Kim Bon	H. Phù Yên			21° 05' 33"	104° 37' 42"	21° 04' 21"	104° 37' 08"		F-48-66-C-d, F-48-66-C-c	
suối Cóc	TV	xã Kim Bon	H. Phù Yên					21° 07' 50"	104° 37' 45"		F-48-66-C-a, F-48-66-C-b	
bản Đá Đỏ	DC	xã Kim Bon	H. Phù Yên	21° 07' 54"	104° 35' 55"						F-48-66-C-a	
suối Đá Đỏ	TV	xã Kim Bon	H. Phù Yên					21° 08' 35"	104° 34' 38"	104° 06' 30"	F-48-66-C-a, F-48-66-C-c	
suối Dền	TV	xã Kim Bon	H. Phù Yên					21° 08' 47"	104° 35' 30"	21° 08' 48"	F-48-66-C-a	
bản Dền A	DC	xã Kim Bon	H. Phù Yên	21° 08' 56"	104° 35' 32"						F-48-66-C-a	
bản Dền B	DC	xã Kim Bon	H. Phù Yên	21° 08' 08"	104° 36' 39"						F-48-66-C-a	
núi Đen	SV	xã Kim Bon	H. Phù Yên	21° 06' 50"	104° 37' 56"						F-48-66-C-d	
núi Khoa	SV	xã Kim Bon	H. Phù Yên	21° 09' 27"	104° 34' 38"						F-48-66-C-a	
bản Kim Bon	DC	xã Kim Bon	H. Phù Yên	21° 06' 59"	104° 36' 39"						F-48-66-C-c	
núi On	SV	xã Kim Bon	H. Phù Yên	21° 07' 59"	104° 34' 16"						F-48-66-C-a	
suối On	TV	xã Kim Bon	H. Phù Yên					21° 07' 53"	104° 34' 12"	21° 07' 14"	F-48-66-C-a, F-48-66-C-c	
suối Pa	TV	xã Kim Bon	H. Phù Yên					21° 06' 06"	104° 38' 08"	21° 06' 11"	F-48-66-C-d	
nằm Phọi	TV	xã Kim Bon	H. Phù Yên					21° 06' 31"	104° 37' 04"	21° 05' 31"	F-48-66-C-c	
nằm Phọt	TV	xã Kim Bon	H. Phù Yên					21° 05' 36"	104° 37' 16"	21° 05' 34"	F-48-66-C-c	
suối Pụn	TV	xã Kim Bon	H. Phù Yên					21° 09' 00"	104° 34' 37"	21° 08' 44"	F-48-66-C-a	
bản Suối Bương	DC	xã Kim Bon	H. Phù Yên	21° 05' 29"	104° 38' 38"						F-48-66-C-d	
bản Suối Cối	DC	xã Kim Bon	H. Phù Yên	21° 05' 39"	104° 37' 41"						F-48-66-C-d	
bản Suối Lệt	DC	xã Kim Bon	H. Phù Yên	21° 07' 07"	104° 34' 01"						F-48-66-C-c	
bản Suối On	DC	xã Kim Bon	H. Phù Yên	21° 08' 34"	104° 34' 58"						F-48-66-C-a	
bản Suối Pa	DC	xã Kim Bon	H. Phù Yên	21° 05' 57"	104° 37' 03"						F-48-66-C-d	
bản Suối Vạch	DC	xã Kim Bon	H. Phù Yên	21° 05' 06"	104° 38' 55"						F-48-66-C-d	
núi Tăng	SV	xã Kim Bon	H. Phù Yên	21° 05' 35"	104° 39' 00"						F-48-66-C-d	
núi Vạch	SV	xã Kim Bon	H. Phù Yên	21° 05' 21"	104° 39' 13"						F-48-66-C-d	
suối Vạch	TV	xã Kim Bon	H. Phù Yên					21° 04' 47"	104° 39' 42"	21° 05' 08"	F-48-66-C-d	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường tỉnh 114	KX	xã Mường Bang	H. Phù Yên			21° 09' 23"	104° 43' 49"	21° 08' 51"	104° 46' 43"	F-48-66-C-b, F-48-66-D-a
bản Bang	DC	xã Mường Bang	H. Phù Yên	21° 07' 18"	104° 48' 00"					F-48-66-D-a
núi Bón Cang	SV	xã Mường Bang	H. Phù Yên	21° 09' 16"	104° 46' 22"					F-48-66-D-c
bản Cài	DC	xã Mường Bang	H. Phù Yên	21° 08' 40"	104° 44' 48"					F-48-66-D-a
bản Chè Mè	DC	xã Mường Bang	H. Phù Yên	21° 09' 27"	104° 48' 31"					F-48-66-C-b
núi Chim	SV	xã Mường Bang	H. Phù Yên	21° 08' 27"	104° 52' 03"					F-48-66-D-a
bản Chủng	DC	xã Mường Bang	H. Phù Yên	21° 07' 50"	104° 47' 11"					F-48-66-D-a
suối Chủng	TV	xã Mường Bang	H. Phù Yên			21° 09' 09"	104° 49' 04"	21° 07' 57"	104° 47' 09"	F-48-66-D-a
suối Dinh	TV	xã Mường Bang	H. Phù Yên			21° 06' 56"	104° 53' 12"	21° 06' 19"	104° 51' 17"	F-48-66-D-d, F-48-66-D-c
suối Do	TV	xã Mường Bang	H. Phù Yên			21° 08' 51"	104° 46' 44"	21° 05' 41"	104° 49' 36"	F-48-66-D-a, F-48-66-D-c
suối Gà	TV	xã Mường Bang	H. Phù Yên			21° 09' 39"	104° 50' 34"	21° 04' 39"	104° 51' 03"	F-48-66-D-a, F-48-66-D-c
bản Lao	DC	xã Mường Bang	H. Phù Yên	21° 07' 28"	104° 50' 08"					F-48-66-D-c
đồi Lạp	SV	xã Mường Bang	H. Phù Yên	21° 06' 22"	104° 47' 30"					F-48-66-D-c
núi Lươn	SV	xã Mường Bang	H. Phù Yên	21° 09' 49"	104° 49' 17"					F-48-66-D-a
đồi Mường	SV	xã Mường Bang	H. Phù Yên	21° 08' 01"	104° 50' 01"					F-48-66-D-a
bản Sọc	DC	xã Mường Bang	H. Phù Yên	21° 08' 32"	104° 46' 12"					F-48-66-D-a
suối Sọc	TV	xã Mường Bang	H. Phù Yên			21° 08' 50"	104° 44' 42"	21° 08' 25"	104° 46' 24"	F-48-66-C-b, F-48-66-D-a
bản Suối Dinh	DC	xã Mường Bang	H. Phù Yên	21° 07' 02"	104° 53' 00"					F-48-66-D-a
bản Suối Gà	DC	xã Mường Bang	H. Phù Yên	21° 09' 28"	104° 50' 50"					F-48-66-D-d
bản Suối Khoáng	DC	xã Mường Bang	H. Phù Yên	21° 04' 44"	104° 51' 04"					F-48-66-D-a
núi Tô	SV	xã Mường Bang	H. Phù Yên	21° 11' 10"	104° 43' 57"					F-48-66-D-c
núi Tre Bút	SV	xã Mường Bang	H. Phù Yên	21° 10' 40"	104° 45' 04"					F-48-66-C-b
suối Ua	TV	xã Mường Bang	H. Phù Yên			21° 09' 14"	104° 49' 51"	21° 07' 00"	104° 48' 04"	F-48-66-D-a
núi Voi	SV	xã Mường Bang	H. Phù Yên	21° 08' 51"	104° 51' 39"					F-48-66-D-c
quốc lộ 37	KX	xã Mường Cơi	H. Phù Yên			21° 20' 50"	104° 45' 30"	21° 17' 23"	104° 42' 38"	F-48-66-A-d, F-48-66-B-c
núi Âm	SV	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 16' 42"	104° 46' 35"					F-48-66-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
bản Bản	DC	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 17' 31"	104° 43' 14"					F-48-66-A-d
bản Bàu	DC	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 20' 12"	104° 44' 20"					F-48-66-A-d
suối Bàu	TV	xã Mường Cơi	H. Phù Yên			21° 21' 20"	104° 44' 13"	21° 19' 52"	104° 44' 20"	F-48-66-A-d
bản Béo Bản	DC	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 17' 18"	104° 42' 42"					F-48-66-A-d
núi Chè	SV	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 17' 07"	104° 43' 57"					F-48-66-A-d
bản Cơi	DC	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 18' 59"	104° 45' 04"					F-48-66-B-c
suối Cơi	TV	xã Mường Cơi	H. Phù Yên			21° 19' 52"	104° 44' 20"	21° 18' 53"	104° 44' 44"	F-48-66-A-d
đèo Dại	SV	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 20' 01"	104° 45' 41"					F-48-66-B-c
bản Éch	DC	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 17' 39"	104° 44' 16"					F-48-66-A-d
núi Hồng	SV	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 16' 48"	104° 46' 05"					F-48-66-B-c
bản Kiềng	DC	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 17' 42"	104° 45' 45"					F-48-66-B-c
suối Lèo	TV	xã Mường Cơi	H. Phù Yên			21° 18' 00"	104° 46' 49"	21° 18' 24"	104° 47' 43"	F-48-66-B-c
đèo Lũng Lô	SV	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 20' 46"	104° 45' 24"					F-48-66-B-c
bản Nà Mới	DC	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 18' 03"	104° 47' 07"					F-48-66-B-c
bản Nghĩa Hưng	DC	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 19' 49"	104° 44' 35"					F-48-66-A-d
bản Sỏ	DC	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 17' 41"	104° 46' 49"					F-48-66-B-c
bản Suối Bí	DC	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 18' 17"	104° 45' 19"					F-48-66-B-c
bản Suối Bục	DC	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 19' 25"	104° 43' 01"					F-48-66-A-d
bản Suối Cốc	DC	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 21' 14"	104° 43' 50"					F-48-66-A-d
bản Tân Cơi	DC	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 17' 51"	104° 45' 28"					F-48-66-B-c
bản Tường Ban	DC	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 19' 42"	104° 43' 34"					F-48-66-A-d
bản Tường Cơi	DC	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 18' 34"	104° 45' 20"					F-48-66-B-c
suối Vá	TV	xã Mường Cơi	H. Phù Yên			21° 17' 27"	104° 45' 22"	21° 17' 59"	104° 46' 49"	F-48-66-B-c
bản Văn Cơi	DC	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 17' 58"	104° 46' 07"					F-48-66-B-c
suối Văn Cơi	TV	xã Mường Cơi	H. Phù Yên			21° 18' 13"	104° 46' 08"	21° 18' 00"	104° 46' 49"	F-48-66-B-c
bản Văn Tân	DC	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 18' 12"	104° 45' 32"					F-48-66-B-c
cầu Xường Chè	KX	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 18' 00"	104° 46' 50"					F-48-66-B-c
đường tỉnh 114B	KX	xã Mường Do	H. Phù Yên			21° 13' 56"	104° 44' 22"	21° 09' 23"	104° 43' 49"	F-48-66-C-b, F-48-66-D-a
bản Bãi Lượn	DC	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 10' 21"	104° 49' 17"					F-48-66-D-a
núi Ban	SV	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 10' 25"	104° 45' 07"					F-48-66-D-a
bản Bông Sỏi	DC	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 13' 41"	104° 44' 24"					F-48-66-C-b
núi Cẩn	SV	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 11' 56"	104° 49' 38"					F-48-66-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)			
dèo Cổng Trời	SV	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 12' 11"	104° 46' 29"						F-48-66-D-a	
núi Dai	SV	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 13' 54"	104° 43' 00"						F-48-66-C-b	
suối Do	TV	xã Mường Do	H. Phù Yên			21° 11' 40"	104° 46' 01"	21° 08' 51"	104° 46' 44"		F-48-66-D-a	
bản Do 1	DC	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 10' 22"	104° 47' 02"						F-48-66-D-a	
bản Do 2	DC	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 10' 20"	104° 46' 54"						F-48-66-D-a	
dãy Đồng Ai	SV	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 12' 25"	104° 46' 40"						F-48-66-D-a	
đồi Khi	SV	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 13' 01"	104° 44' 49"						F-48-66-C-b	
bản Kiểng	DC	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 11' 40"	104° 45' 25"						F-48-66-D-a	
suối Kiểng	TV	xã Mường Do	H. Phù Yên			21° 11' 08"	104° 44' 09"	21° 11' 40"	104° 46' 01"		F-48-66-C-b, F-48-66-D-a	
bản Lăn	DC	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 11' 58"	104° 46' 05"						F-48-66-D-a	
suối Lang	TV	xã Mường Do	H. Phù Yên			21° 12' 29"	104° 42' 56"	21° 13' 55"	104° 44' 24"		F-48-66-D-a	
núi Lanh	SV	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 12' 34"	104° 49' 40"						F-48-66-C-b	
suối Lồng	TV	xã Mường Do	H. Phù Yên			21° 10' 14"	104° 50' 04"	21° 10' 43"	104° 47' 09"		F-48-66-D-a	
núi Mường	SV	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 12' 11"	104° 43' 34"						F-48-66-C-b	
bản Páp	DC	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 13' 09"	104° 45' 07"						F-48-66-D-a	
bản Suối Han 1	DC	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 12' 07"	104° 47' 08"						F-48-66-D-a	
bản Suối Han 2	DC	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 11' 55"	104° 48' 05"						F-48-66-D-a	
bản Suối Han 3	DC	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 12' 19"	104° 49' 07"						F-48-66-D-a	
dãy Suối Lang	SV	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 12' 55"	104° 42' 31"						F-48-66-C-b	
bản Suối Lồng	DC	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 10' 46"	104° 48' 29"						F-48-66-D-a	
bản Tân Do	DC	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 12' 33"	104° 44' 47"						F-48-66-C-b	
bản Tường Do	DC	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 09' 44"	104° 47' 06"						F-48-66-D-a	
núi Bãi Hát	SV	xã Mường Lang	H. Phù Yên	21° 14' 09"	104° 44' 10"						F-48-66-C-b	
bản Chiềng	DC	xã Mường Lang	H. Phù Yên	21° 14' 41"	104° 46' 23"						F-48-66-D-a	
bản Đưng	DC	xã Mường Lang	H. Phù Yên	21° 15' 10"	104° 46' 13"						F-48-66-B-c	
bản Kẽm	DC	xã Mường Lang	H. Phù Yên	21° 14' 54"	104° 45' 07"						F-48-66-D-a	
suối Lang	TV	xã Mường Lang	H. Phù Yên			21° 13' 55"	104° 44' 24"	21° 14' 36"	104° 47' 02"		F-48-66-C-b, F-48-66-D-a	
bản Manh	DC	xã Mường Lang	H. Phù Yên	21° 14' 30"	104° 47' 20"						F-48-66-D-a	
suối Mưa	TV	xã Mường Lang	H. Phù Yên			21° 15' 02"	104° 45' 09"	21° 15' 02"	104° 46' 08"		F-48-66-B-c	
sông Mưa	TV	xã Mường Lang	H. Phù Yên			21° 15' 02"	104° 46' 08"	21° 16' 59"	104° 50' 21"		F-48-66-B-c, F-48-66-D-a	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nguồn	DC	xã Mường Lang	H. Phù Yên	21° 14' 23"	104° 46' 24"					F-48-66-D-a
bản Thuởng Lang	DC	xã Mường Lang	H. Phù Yên	21° 13' 57"	104° 48' 06"					F-48-66-D-a
suối Vang	TV	xã Mường Lang	H. Phù Yên			21° 12' 34"	104° 48' 53"	21° 13' 58"	104° 48' 26"	F-48-66-D-a
suối Vợ	TV	xã Mường Lang	H. Phù Yên			21° 12' 40"	104° 47' 30"	21° 14' 05"	104° 48' 22"	F-48-66-D-a
bản Chiếu	DC	xã Mường Thái	H. Phù Yên	21° 20' 23"	104° 41' 17"			21° 19' 39"	104° 40' 23"	F-48-66-A-d
suối Chiếu	TV	xã Mường Thái	H. Phù Yên					21° 21' 23"	104° 42' 03"	F-48-66-A-d
suối Don	TV	xã Mường Thái	H. Phù Yên							F-48-66-A-d
núi Đồi Mèo	SV	xã Mường Thái	H. Phù Yên	21° 20' 20"	104° 40' 30"			21° 17' 30"	104° 41' 13"	F-48-66-A-d
suối Khả	TV	xã Mường Thái	H. Phù Yên			21° 18' 07"	104° 42' 03"			F-48-66-A-d
dãy núi Khau Li	SV	xã Mường Thái	H. Phù Yên	21° 21' 52"	104° 40' 59"					F-48-66-A-d
bản Khe Lành	DC	xã Mường Thái	H. Phù Yên	21° 22' 42"	104° 42' 46"					F-48-66-A-b
bản Khoai Lang	DC	xã Mường Thái	H. Phù Yên	21° 21' 26"	104° 42' 30"					F-48-66-A-d
suối Lạt	TV	xã Mường Thái	H. Phù Yên			21° 20' 57"	104° 39' 22"	21° 20' 17"	104° 41' 02"	F-48-66-A-d
suối Lạt Con	TV	xã Mường Thái	H. Phù Yên			21° 22' 17"	104° 39' 32"	21° 20' 33"	104° 40' 28"	F-48-66-A-d
bản Phúc Yên	DC	xã Mường Thái	H. Phù Yên	21° 17' 34"	104° 42' 35"			21° 18' 46"	104° 40' 45"	F-48-66-A-d
suối Sang	TV	xã Mường Thái	H. Phù Yên			21° 19' 06"	104° 41' 25"			F-48-66-A-d
núi Suối Chơn	SV	xã Mường Thái	H. Phù Yên	21° 18' 38"	104° 43' 03"					F-48-66-A-d
bản Suối Quốc	DC	xã Mường Thái	H. Phù Yên	21° 19' 37"	104° 42' 27"					F-48-66-A-d
bản Suối Tàu	DC	xã Mường Thái	H. Phù Yên	21° 20' 09"	104° 41' 52"					F-48-66-A-d
núi Tạng Ngát	SV	xã Mường Thái	H. Phù Yên	21° 19' 42"	104° 41' 42"					F-48-66-A-d
suối Tàu	TV	xã Mường Thái	H. Phù Yên			21° 20' 19"	104° 42' 00"	21° 20' 22"	104° 41' 32"	F-48-66-A-d
suối Thái	TV	xã Mường Thái	H. Phù Yên			21° 18' 38"	104° 42' 27"	21° 19' 30"	104° 41' 51"	F-48-66-A-d
bản Thái Hạ	DC	xã Mường Thái	H. Phù Yên	21° 19' 17"	104° 41' 09"					F-48-66-A-d
bản Thái Thượng	DC	xã Mường Thái	H. Phù Yên	21° 18' 45"	104° 41' 26"					F-48-66-A-d
bản Văn Yên	DC	xã Mường Thái	H. Phù Yên	21° 17' 56"	104° 41' 36"					F-48-66-A-d
suối Voi	TV	xã Mường Thái	H. Phù Yên			21° 22' 18"	104° 41' 24"	21° 22' 23"	104° 42' 18"	F-48-66-A-d
sông Đà	TV	xã Nam Phong	H. Phù Yên			21° 03' 23"	104° 43' 55"	21° 01' 50"	104° 51' 55"	F-48-66-D-c
núi Đá Bạc	SV	xã Nam Phong	H. Phù Yên	21° 06' 28"	104° 45' 03"			21° 03' 11"	104° 46' 53"	F-48-66-D-c
suối Đá Mài	TV	xã Nam Phong	H. Phù Yên			21° 04' 39"	104° 48' 21"			F-48-66-D-c
bản Đá Mài 1	DC	xã Nam Phong	H. Phù Yên	21° 03' 49"	104° 47' 10"					F-48-66-D-c
bản Đá Mài 2	DC	xã Nam Phong	H. Phù Yên	21° 03' 05"	104° 47' 02"					F-48-66-D-c
núi Gia Long	SV	xã Nam Phong	H. Phù Yên	21° 03' 30"	104° 49' 20"					F-48-66-D-c
suối Khoáng	TV	xã Nam Phong	H. Phù Yên			21° 03' 46"	104° 51' 18"	21° 01' 50"	104° 51' 55"	F-48-66-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Pín	DC	xã Nam Phong	H. Phù Yên	21° 03' 08"	104° 51' 14"					F-48-66-D-c
bản Suối Ké	DC	xã Nam Phong	H. Phù Yên	21° 05' 08"	104° 45' 53"					F-48-66-D-c
bản Suối Lúa 1	DC	xã Nam Phong	H. Phù Yên	21° 05' 08"	104° 45' 30"					F-48-66-D-c
bản Suối Lúa 2	DC	xã Nam Phong	H. Phù Yên	21° 03' 24"	104° 44' 37"					F-48-66-D-c
bản Suối Vè	DC	xã Nam Phong	H. Phù Yên	21° 05' 34"	104° 45' 24"					F-48-66-D-c
bản Bó Hốc	DC	xã Quang Huy	H. Phù Yên	21° 15' 24"	104° 39' 19"					F-48-66-A-d
bản Búc	DC	xã Quang Huy	H. Phù Yên	21° 15' 43"	104° 39' 03"					F-48-66-A-d
bản Cang	DC	xã Quang Huy	H. Phù Yên	21° 16' 12"	104° 39' 30"					F-48-66-A-d
bản Chiềng Hạ 1	DC	xã Quang Huy	H. Phù Yên	21° 15' 35"	104° 38' 42"					F-48-66-A-d
bản Chiềng Thượng	DC	xã Quang Huy	H. Phù Yên	21° 15' 30"	104° 39' 02"					F-48-66-A-d
bản Chiềng Trung	DC	xã Quang Huy	H. Phù Yên	21° 15' 34"	104° 39' 05"					F-48-66-A-d
bản Co Nga	DC	xã Quang Huy	H. Phù Yên	21° 15' 14"	104° 39' 05"					F-48-66-A-d
suối Đở	TV	xã Quang Huy	H. Phù Yên			21° 20' 52"	104° 36' 59"	21° 20' 28"	104° 37' 28"	F-48-66-A-c
bản Giông	DC	xã Quang Huy	H. Phù Yên	21° 18' 20"	104° 38' 43"					F-48-66-A-d
suối Giông	TV	xã Quang Huy	H. Phù Yên			21° 18' 29"	104° 37' 59"	21° 17' 55"	104° 38' 54"	F-48-66-A-d
núi Khau Rua	SV	xã Quang Huy	H. Phù Yên	21° 19' 21"	104° 38' 53"					F-48-66-A-d
núi Lũng Trầu	SV	xã Quang Huy	H. Phù Yên	21° 17' 27"	104° 40' 31"					F-48-66-A-d
bản Mo 2	DC	xã Quang Huy	H. Phù Yên	21° 15' 51"	104° 38' 51"					F-48-66-A-d
bản Mo 3	DC	xã Quang Huy	H. Phù Yên	21° 16' 07"	104° 38' 50"					F-48-66-A-d
bản Mo 4	DC	xã Quang Huy	H. Phù Yên	21° 16' 18"	104° 38' 56"					F-48-66-A-d
bản Mo Nghè 1	DC	xã Quang Huy	H. Phù Yên	21° 16' 30"	104° 39' 18"					F-48-66-A-d
bản Mo Nghè 2	DC	xã Quang Huy	H. Phù Yên	21° 16' 40"	104° 39' 30"					F-48-66-A-d
bản Mo Nghè 3	DC	xã Quang Huy	H. Phù Yên	21° 16' 26"	104° 39' 09"					F-48-66-A-d
bản Nà Xá 1	DC	xã Quang Huy	H. Phù Yên	21° 16' 59"	104° 39' 43"					F-48-66-A-d
bản Nà Xá 2	DC	xã Quang Huy	H. Phù Yên	21° 16' 52"	104° 39' 39"					F-48-66-A-d
suối Ngang	TV	xã Quang Huy	H. Phù Yên			21° 20' 17"	104° 37' 01"	21° 20' 28"	104° 37' 28"	F-48-66-A-c
suối Ó	TV	xã Quang Huy	H. Phù Yên			21° 19' 31"	104° 39' 27"	21° 19' 00"	104° 40' 26"	F-48-66-A-d
lâm trường Phù Bắc Yên	KX	xã Quang Huy	H. Phù Yên	21° 17' 03"	104° 37' 52"					F-48-66-A-d
phủ Pu Khăm	SV	xã Quang Huy	H. Phù Yên	21° 18' 23"	104° 37' 41"					F-48-66-A-d
bản Suối Giông 1	DC	xã Quang Huy	H. Phù Yên	21° 19' 02"	104° 38' 12"					F-48-66-A-d
bản Suối Giông 2	DC	xã Quang Huy	H. Phù Yên	21° 18' 53"	104° 38' 59"					F-48-66-A-d
bản Suối Ngang	DC	xã Quang Huy	H. Phù Yên	21° 20' 35"	104° 37' 25"					F-48-66-A-c
bản Suối Ó 1	DC	xã Quang Huy	H. Phù Yên	21° 19' 08"	104° 39' 23"					F-48-66-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
bản Suối Ó 2	DC	xã Quang Huy	H. Phù Yên	21° 19' 44"	104° 39' 00"							F-48-66-A-d
suối Tắc	TV	xã Quang Huy	H. Phù Yên					21° 19' 39"	104° 40' 23"	21° 15' 02"	104° 39' 04"	F-48-66-A-d
bản Tường Quang	DC	xã Quang Huy	H. Phù Yên	21° 16' 37"	104° 38' 59"							F-48-66-A-d
núi Vàng Cuồng	SV	xã Quang Huy	H. Phù Yên	21° 19' 41"	104° 40' 54"							F-48-66-A-d
suối Đăm	TV	xã Sập Xa	H. Phù Yên			21° 08' 16"	104° 33' 03"	21° 08' 29"	104° 31' 56"			F-48-66-C-a
bản Giảng	DC	xã Sập Xa	H. Phù Yên	21° 11' 34"	104° 30' 43"							F-48-66-C-a
bản Keo Lán	DC	xã Sập Xa	H. Phù Yên	21° 10' 04"	104° 30' 38"							F-48-66-C-a
bản Nà Lạy	DC	xã Sập Xa	H. Phù Yên	21° 09' 12"	104° 31' 40"							F-48-66-C-a
suối Nà Lạy	TV	xã Sập Xa	H. Phù Yên			21° 10' 18"	104° 32' 16"	21° 09' 17"	104° 31' 13"			F-48-66-C-a
bản Phiêng Lương	DC	xã Sập Xa	H. Phù Yên	21° 08' 16"	104° 32' 10"							F-48-66-C-a
bản Pưn	DC	xã Sập Xa	H. Phù Yên	21° 09' 48"	104° 33' 09"							F-48-66-C-a
suối Pưn On	TV	xã Sập Xa	H. Phù Yên			21° 09' 10"	104° 33' 41"	21° 09' 40"	104° 32' 00"			F-48-66-C-a
suối Sập	TV	xã Sập Xa	H. Phù Yên			21° 11' 40"	104° 30' 22"	21° 07' 23"	104° 31' 51"			F-48-66-C-a
suối Thín	TV	xã Sập Xa	H. Phù Yên			21° 11' 40"	104° 31' 06"	21° 11' 27"	104° 30' 33"			F-48-66-C-a
núi Tin Tắc	SV	xã Sập Xa	H. Phù Yên	21° 07' 51"	104° 33' 06"							F-48-66-C-a
bản Xa	DC	xã Sập Xa	H. Phù Yên	21° 09' 52"	104° 30' 41"							F-48-66-C-a
bản Chát A	DC	xã Suối Bau	H. Phù Yên	21° 10' 36"	104° 33' 55"							F-48-66-C-a
bản Chèo A	DC	xã Suối Bau	H. Phù Yên	21° 11' 09"	104° 34' 05"							F-48-66-C-a
bản Chèo B	DC	xã Suối Bau	H. Phù Yên	21° 10' 42"	104° 34' 26"							F-48-66-C-a
suối Hiền	TV	xã Suối Bau	H. Phù Yên			21° 12' 36"	104° 32' 10"	21° 13' 07"	104° 32' 47"			F-48-66-C-a
núi Lương	SV	xã Suối Bau	H. Phù Yên	21° 13' 03"	104° 30' 19"							F-48-66-C-a
suối Sập	TV	xã Suối Bau	H. Phù Yên			21° 14' 00"	104° 30' 29"	21° 11' 40"	104° 30' 22"			F-48-66-C-a, F-48-65-D
bản Suối Bau	DC	xã Suối Bau	H. Phù Yên	21° 11' 13"	104° 33' 24"							F-48-66-C-a
bản Suối Cáy	DC	xã Suối Bau	H. Phù Yên	21° 13' 18"	104° 31' 58"							F-48-66-C-a
bản Suối Cây B	DC	xã Suối Bau	H. Phù Yên	21° 13' 07"	104° 31' 06"							F-48-66-C-a
bản Suối Giảng	DC	xã Suối Bau	H. Phù Yên	21° 11' 31"	104° 32' 20"							F-48-66-C-a
núi Suối Giảng	SV	xã Suối Bau	H. Phù Yên	21° 11' 51"	104° 32' 10"							F-48-66-C-a
bản Suối Hiền A	DC	xã Suối Bau	H. Phù Yên	21° 12' 30"	104° 32' 09"							F-48-66-C-a
bản Thịnh A	DC	xã Suối Bau	H. Phù Yên	21° 12' 34"	104° 31' 15"							F-48-66-C-a
bản Thịnh B	DC	xã Suối Bau	H. Phù Yên	21° 12' 27"	104° 31' 34"							F-48-66-C-a
bản Thịnh C	DC	xã Suối Bau	H. Phù Yên	21° 13' 12"	104° 30' 13"							F-48-66-C-a
suối Trà	TV	xã Suối Bau	H. Phù Yên			21° 10' 11"	104° 34' 09"	21° 10' 32"	104° 33' 29"			F-48-66-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình							
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối											
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)										
đường tỉnh 113 suối Búc bến Chò suối Đá Mai 1 suối Đá Mai 2 suối Đẻ Can Tha suối Đở suối Khang núi Làng Nhì suối Làng Sáng suối Làng Sáng To suối Lạt suối Lịch Trơ bến Lũng Khoài A bến Lũng Khoài B suối Ngang suối Nhỏ bến Pắc Bẹ A bến Pắc Bẹ B bến Pắc Bẹ C Pai Trò suối Pai Trò suối Sập bến Suối Dinh bến Suối Khang bến Suối Tọ quốc lộ 32B bến Bãi Đu cầu Bãi Đu khu Bãi Hát	KX	xã Suối Tọ	H. Phú Yên															F-48-66-C-a	
	TV	xã Suối Tọ	H. Phú Yên			21° 14' 00"	104° 30' 29"	21° 13' 21"	104° 32' 04"										F-48-66-A-c
	DC	xã Suối Tọ	H. Phú Yên			21° 19' 10"	104° 37' 18"			21° 17' 04"	104° 36' 03"								F-48-66-A-c
	TV	xã Suối Tọ	H. Phú Yên					21° 13' 52"	104° 32' 11"	21° 13' 34"	104° 31' 47"								F-48-66-C-a
	TV	xã Suối Tọ	H. Phú Yên					21° 14' 00"	104° 31' 48"	21° 13' 41"	104° 31' 33"								F-48-66-C-a
	TV	xã Suối Tọ	H. Phú Yên					21° 23' 44"	104° 33' 59"	21° 22' 43"	104° 33' 41"								F-48-66-A-a
	TV	xã Suối Tọ	H. Phú Yên					21° 21' 48"	104° 36' 00"	21° 21' 02"	104° 37' 26"								F-48-66-A-c
	TV	xã Suối Tọ	H. Phú Yên					21° 19' 38"	104° 36' 13"	21° 18' 10"	104° 37' 03"								F-48-66-C-a
	SV	xã Suối Tọ	H. Phú Yên			21° 24' 41"	104° 32' 53"												F-48-66-A-a
	TV	xã Suối Tọ	H. Phú Yên					21° 21' 34"	104° 33' 52"	21° 20' 36"	104° 33' 18"								F-48-66-A-c
	TV	xã Suối Tọ	H. Phú Yên					21° 22' 58"	104° 33' 00"	21° 22' 43"	104° 33' 41"								F-48-66-A-a
	TV	xã Suối Tọ	H. Phú Yên																F-48-66-A-a, F-48-66-A-d
	TV	xã Suối Tọ	H. Phú Yên					21° 24' 49"	104° 35' 31"	21° 20' 57"	104° 39' 22"								F-48-66-A-d
	TV	xã Suối Tọ	H. Phú Yên																F-48-66-A-c
	DC	xã Suối Tọ	H. Phú Yên			21° 18' 38"	104° 36' 10"												F-48-66-A-c
	DC	xã Suối Tọ	H. Phú Yên			21° 18' 13"	104° 35' 37"												F-48-66-A-c
	TV	xã Suối Tọ	H. Phú Yên							21° 20' 08"	104° 36' 32"	104° 37' 01"							F-48-66-A-c
	TV	xã Suối Tọ	H. Phú Yên							21° 22' 38"	104° 38' 25"	104° 38' 35"							F-48-66-A-a, F-48-66-A-d
	DC	xã Suối Tọ	H. Phú Yên			21° 14' 55"	104° 32' 39"												F-48-66-C-a
DC	xã Suối Tọ	H. Phú Yên			21° 15' 05"	104° 33' 37"												F-48-66-C-a	
DC	xã Suối Tọ	H. Phú Yên			21° 14' 11"	104° 31' 32"												F-48-66-C-a	
DC	xã Suối Tọ	H. Phú Yên			21° 20' 50"	104° 34' 43"												F-48-66-A-c	
TV	xã Suối Tọ	H. Phú Yên							21° 21' 05"	104° 34' 49"	104° 33' 49"							F-48-66-A-c	
TV	xã Suối Tọ	H. Phú Yên							21° 16' 05"	104° 32' 23"	104° 30' 29"							F-48-66-A-c, F-48-C-a	
DC	xã Suối Tọ	H. Phú Yên			21° 14' 19"	104° 33' 15"												F-48-66-C-a	
DC	xã Suối Tọ	H. Phú Yên			21° 19' 45"	104° 36' 23"												F-48-66-A-c	
DC	xã Suối Tọ	H. Phú Yên			21° 17' 25"	104° 34' 17"												F-48-66-A-c	
KX	xã Tân Lang	H. Phú Yên																	F-48-66-B-c
DC	xã Tân Lang	H. Phú Yên			21° 17' 36"	104° 48' 24"													F-48-66-B-c
KX	xã Tân Lang	H. Phú Yên			21° 17' 33"	104° 48' 30"													F-48-66-B-c
DC	xã Tân Lang	H. Phú Yên			21° 14' 28"	104° 44' 36"													F-48-66-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đồi Bụt	SV	xã Tân Lang	H. Phú Yên	21° 16' 48"	104° 49' 53"					F-48-66-B-c
bến Cà	DC	xã Tân Lang	H. Phú Yên	21° 16' 37"	104° 44' 40"					F-48-66-A-d
núi Cam Co	SV	xã Tân Lang	H. Phú Yên	21° 19' 42"	104° 48' 46"					F-48-66-B-c
núi Chum	SV	xã Tân Lang	H. Phú Yên	21° 16' 57"	104° 45' 11"					F-48-66-B-c
đèo Dệt	SV	xã Tân Lang	H. Phú Yên	21° 14' 51"	104° 42' 24"					F-48-66-C-b
bến Diệt	DC	xã Tân Lang	H. Phú Yên	21° 15' 07"	104° 44' 04"					F-48-66-A-d
núi Gà Con	SV	xã Tân Lang	H. Phú Yên	21° 16' 59"	104° 44' 43"					F-48-66-A-d
núi Hồng	SV	xã Tân Lang	H. Phú Yên	21° 16' 10"	104° 43' 25"					F-48-66-A-d
đèo Kén	SV	xã Tân Lang	H. Phú Yên	21° 15' 43"	104° 46' 01"					F-48-66-B-c
bến Kiền	DC	xã Tân Lang	H. Phú Yên	21° 16' 02"	104° 46' 09"					F-48-66-B-c
suối Lèo	TV	xã Tân Lang	H. Phú Yên			21° 18' 24"	104° 47' 43"	21° 17' 25"	104° 50' 24"	F-48-66-B-c
bến Mỏ	DC	xã Tân Lang	H. Phú Yên	21° 15' 52"	104° 44' 39"					F-48-66-A-d
suối Mưa	TV	xã Tân Lang	H. Phú Yên			21° 13' 16"	104° 42' 09"	21° 14' 56"	104° 44' 41"	F-48-66-C-b
suối Nửa	TV	xã Tân Lang	H. Phú Yên			21° 18' 49"	104° 47' 48"	21° 18' 24"	104° 47' 44"	F-48-66-B-c
bến Sông Mưa	DC	xã Tân Lang	H. Phú Yên	21° 15' 19"	104° 44' 20"					F-48-66-A-d
bến Suối Lèo	DC	xã Tân Lang	H. Phú Yên	21° 18' 01"	104° 48' 03"					F-48-66-B-c
bến Tân Tường	DC	xã Tân Lang	H. Phú Yên	21° 15' 32"	104° 44' 29"					F-48-66-A-d
bến Thịnh Lang 1	DC	xã Tân Lang	H. Phú Yên	21° 16' 18"	104° 47' 11"					F-48-66-B-c
bến Thịnh Lang 2	DC	xã Tân Lang	H. Phú Yên	21° 16' 09"	104° 46' 29"					F-48-66-B-c
bến Tiên Lang	DC	xã Tân Lang	H. Phú Yên	21° 15' 59"	104° 45' 43"					F-48-66-B-c
bến Vườn	DC	xã Tân Lang	H. Phú Yên	21° 16' 35"	104° 47' 41"					F-48-66-B-c
suối Vườn	TV	xã Tân Lang	H. Phú Yên			21° 16' 34"	104° 47' 31"	21° 17' 14"	104° 48' 10"	F-48-66-B-c
bến Yên Thịnh 1	DC	xã Tân Lang	H. Phú Yên	21° 15' 58"	104° 47' 34"					F-48-66-B-c
bến Yên Thịnh 2	DC	xã Tân Lang	H. Phú Yên	21° 16' 14"	104° 48' 38"					F-48-66-B-c
suối Bông	TV	xã Tân Phong	H. Phú Yên			21° 06' 37"	104° 42' 55"	21° 04' 42"	104° 42' 37"	F-48-66-C-d
bến Bông 1	DC	xã Tân Phong	H. Phú Yên	21° 05' 39"	104° 42' 46"					F-48-66-C-d
bến Bông 2	DC	xã Tân Phong	H. Phú Yên	21° 06' 03"	104° 43' 03"					F-48-66-C-d
núi Cạnh	SV	xã Tân Phong	H. Phú Yên	21° 04' 17"	104° 44' 24"					F-48-66-C-d
núi Cỏ Phách	SV	xã Tân Phong	H. Phú Yên	21° 04' 28"	104° 44' 03"					F-48-66-C-d
sông Đà	TV	xã Tân Phong	H. Phú Yên			21° 03' 13"	104° 42' 19"	21° 03' 23"	104° 43' 55"	F-48-66-C-d
bến Đồng Mã	DC	xã Tân Phong	H. Phú Yên	21° 05' 22"	104° 42' 07"					F-48-66-C-d
bến In	DC	xã Tân Phong	H. Phú Yên	21° 04' 46"	104° 43' 35"					F-48-66-C-d
bến Liếm	DC	xã Tân Phong	H. Phú Yên	21° 03' 37"	104° 42' 12"					F-48-66-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Mùng	DC	xã Tân Phong	H. Phú Yên	21° 04' 48"	104° 41' 50"					F-48-66-C-d
suối Mùng	TV	xã Tân Phong	H. Phú Yên			21° 04' 38"	104° 40' 52"	21° 04' 57"	104° 41' 38"	F-48-66-C-d
suối Nánh	TV	xã Tân Phong	H. Phú Yên			21° 04' 07"	104° 41' 11"	21° 04' 37"	104° 41' 46"	F-48-66-C-d
bản Vạn	DC	xã Tân Phong	H. Phú Yên	21° 04' 12"	104° 42' 04"					F-48-66-C-d
chợ Vạn Yên	KX	xã Tân Phong	H. Phú Yên	21° 04' 08"	104° 42' 14"					F-48-66-C-d
cầu Bàn Cóc	KX	xã Tường Hạ	H. Phú Yên	21° 08' 34"	104° 38' 32"					F-48-66-C-b
cầu Bàn Dền	KX	xã Tường Hạ	H. Phú Yên	21° 09' 29"	104° 37' 37"					F-48-66-C-b
cầu Bàn Đen	KX	xã Tường Hạ	H. Phú Yên	21° 07' 54"	104° 39' 08"					F-48-66-C-b
suối Cóc	TV	xã Tường Hạ	H. Phú Yên			21° 08' 08"	104° 37' 45"	21° 08' 32"	104° 38' 24"	F-48-66-C-b
bản Cóc 1	DC	xã Tường Hạ	H. Phú Yên	21° 08' 41"	104° 38' 23"					F-48-66-C-b
bản Cóc 2	DC	xã Tường Hạ	H. Phú Yên	21° 08' 34"	104° 38' 14"					F-48-66-C-b
bản Cóc 3	DC	xã Tường Hạ	H. Phú Yên	21° 08' 26"	104° 38' 19"					F-48-66-C-b
bản Cóc 4	DC	xã Tường Hạ	H. Phú Yên	21° 08' 20"	104° 38' 34"					F-48-66-C-b
bản Dền 2	DC	xã Tường Hạ	H. Phú Yên	21° 09' 29"	104° 37' 36"					F-48-66-C-b
núi Đản Bông	SV	xã Tường Hạ	H. Phú Yên	21° 09' 51"	104° 37' 50"					F-48-66-C-b
bản Đen	DC	xã Tường Hạ	H. Phú Yên	21° 07' 58"	104° 39' 08"					F-48-66-C-b
suối Đen	TV	xã Tường Hạ	H. Phú Yên			21° 07' 10"	104° 38' 18"	21° 07' 54"	104° 39' 08"	F-48-66-C-b
hồ Đồng Liên	TV	xã Tường Hạ	H. Phú Yên	21° 09' 49"	104° 38' 26"					F-48-66-C-b
bản Khảo 1	DC	xã Tường Hạ	H. Phú Yên	21° 09' 22"	104° 37' 54"					F-48-66-C-b
bản Khảo 2	DC	xã Tường Hạ	H. Phú Yên	21° 09' 13"	104° 38' 05"					F-48-66-C-b
bản Ốc 1	DC	xã Tường Hạ	H. Phú Yên	21° 08' 14"	104° 38' 44"					F-48-66-C-b
bản Ốc 2	DC	xã Tường Hạ	H. Phú Yên	21° 08' 09"	104° 38' 53"					F-48-66-C-b
bản Són	DC	xã Tường Hạ	H. Phú Yên	21° 09' 01"	104° 38' 15"					F-48-66-C-b
suối Tác	TV	xã Tường Hạ	H. Phú Yên			21° 09' 53"	104° 37' 34"	21° 08' 08"	104° 39' 23"	F-48-66-C-b
đường tỉnh 114	KX	xã Tường Phong	H. Phú Yên			21° 07' 36"	104° 40' 37"	21° 09' 23"	104° 43' 49"	F-48-66-C-b
bản Bèo	DC	xã Tường Phong	H. Phú Yên	21° 06' 24"	104° 41' 41"					F-48-66-C-d
suối Bông	TV	xã Tường Phong	H. Phú Yên			21° 07' 39"	104° 44' 00"	21° 06' 37"	104° 42' 55"	F-48-66-C-b
suối Đà	TV	xã Tường Phong	H. Phú Yên			21° 06' 57"	104° 43' 42"	21° 06' 28"	104° 43' 02"	F-48-66-C-d
núi Đanh	SV	xã Tường Phong	H. Phú Yên	21° 08' 34"	104° 41' 05"					F-48-66-C-b
bản Hạ Lương	DC	xã Tường Phong	H. Phú Yên	21° 07' 33"	104° 41' 20"					F-48-66-C-b
suối Kèn	TV	xã Tường Phong	H. Phú Yên			21° 05' 35"	104° 39' 47"	21° 06' 11"	104° 40' 31"	F-48-66-C-d
núi Liên	SV	xã Tường Phong	H. Phú Yên	21° 07' 36"	104° 43' 01"					F-48-66-C-b
suối Lóm	TV	xã Tường Phong	H. Phú Yên			21° 07' 59"	104° 42' 35"	21° 08' 22"	104° 41' 37"	F-48-66-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
											Vĩ độ (độ, phút, giây)	
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)					
bản Suối Lóm	DC	xã Tường Phong	H. Phú Yên	21° 08' 04"	104° 42' 29"					F-48-66-C-b		
bản Suối Tre	DC	xã Tường Phong	H. Phú Yên	21° 08' 10"	104° 41' 28"					F-48-66-C-b		
suối Tác	TV	xã Tường Phong	H. Phú Yên			21° 07' 30"	104° 40' 33"	21° 05' 24"	104° 41' 34"	F-48-66-C-d		
suối Tre	TV	xã Tường Phong	H. Phú Yên			21° 10' 14"	104° 42' 38"	21° 07' 03"	104° 40' 52"	F-48-66-C-b, F-48-66-C-d		
bản Văm	DC	xã Tường Phong	H. Phú Yên	21° 05' 39"	104° 41' 10"					F-48-66-C-d		
suối Văm	TV	xã Tường Phong	H. Phú Yên			21° 05' 18"	104° 40' 40"	21° 05' 39"	104° 41' 14"	F-48-66-C-d		
bản Xanh Vàng	DC	xã Tường Phong	H. Phú Yên	21° 06' 45"	104° 40' 25"					F-48-66-C-d		
quốc lộ 37	KX	xã Tường Phú	H. Phú Yên			21° 13' 51"	104° 37' 15"	21° 12' 06"	104° 36' 33"	F-48-66-C-a		
suối Bùa	TV	xã Tường Phú	H. Phú Yên			21° 11' 48"	104° 36' 41"	21° 11' 50"	104° 37' 23"	F-48-66-C-a		
bản Bùa Chung 1	DC	xã Tường Phú	H. Phú Yên	21° 12' 52"	104° 37' 05"					F-48-66-C-a		
bản Bùa Chung 2	DC	xã Tường Phú	H. Phú Yên	21° 12' 34"	104° 37' 10"					F-48-66-C-a		
bản Bùa Chung 3	DC	xã Tường Phú	H. Phú Yên	21° 12' 31"	104° 37' 22"					F-48-66-C-a		
bản Bùa Hạ 1	DC	xã Tường Phú	H. Phú Yên	21° 12' 08"	104° 37' 33"					F-48-66-C-a		
bản Bùa Hạ 2	DC	xã Tường Phú	H. Phú Yên	21° 12' 03"	104° 37' 47"					F-48-66-C-a		
bản Bùa Thượng 1	DC	xã Tường Phú	H. Phú Yên	21° 12' 13"	104° 36' 52"					F-48-66-C-a		
bản Bùa Thượng 2	DC	xã Tường Phú	H. Phú Yên	21° 12' 33"	104° 36' 40"					F-48-66-C-a		
bản Bùa Thượng 3	DC	xã Tường Phú	H. Phú Yên	21° 12' 20"	104° 36' 36"					F-48-66-C-a		
núi Co Hạ	SV	xã Tường Phú	H. Phú Yên	21° 13' 30"	104° 36' 39"					F-48-66-C-a		
bản Đông 1	DC	xã Tường Phú	H. Phú Yên	21° 13' 25"	104° 37' 14"					F-48-66-C-a		
bản Đông 2	DC	xã Tường Phú	H. Phú Yên	21° 13' 03"	104° 37' 06"					F-48-66-C-a		
núi Keo Leo	SV	xã Tường Phú	H. Phú Yên	21° 11' 29"	104° 37' 02"					F-48-66-C-a		
bản Nà Lè 1	DC	xã Tường Phú	H. Phú Yên	21° 12' 16"	104° 37' 27"					F-48-66-C-a		
bản Nà Lè 2	DC	xã Tường Phú	H. Phú Yên	21° 12' 19"	104° 37' 44"					F-48-66-C-a		
núi Pom Lanh	SV	xã Tường Phú	H. Phú Yên	21° 14' 04"	104° 36' 32"					F-48-66-C-a		
núi Pom Pau	SV	xã Tường Phú	H. Phú Yên	21° 14' 17"	104° 35' 29"					F-48-66-C-a		
núi Pom Sọc	SV	xã Tường Phú	H. Phú Yên	21° 13' 43"	104° 35' 59"					F-48-66-C-a		
suối Tác	TV	xã Tường Phú	H. Phú Yên			21° 13' 55"	104° 37' 32"	21° 11' 36"	104° 37' 29"	F-48-66-C-a, F-48-66-C-b		
quốc lộ 43	KX	xã Tường Thượng	H. Phú Yên			21° 11' 18"	104° 36' 39"	21° 09' 46"	104° 37' 27"	F-48-66-C-b		
cầu Bản Chăn	KX	xã Tường Thượng	H. Phú Yên	21° 10' 11"	104° 37' 15"					F-48-66-C-a		
cầu Bản Khoa	KX	xã Tường Thượng	H. Phú Yên	21° 11' 02"	104° 36' 47"					F-48-66-C-a		
bản Cải	DC	xã Tường Thượng	H. Phú Yên	21° 09' 55"	104° 37' 21"					F-48-66-C-a		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
bản Cha 1	DC	xã Tường Thượng	H. Phú Yên	21° 10' 52"	104° 38' 25"							F-48-66-C-a
bản Cha 2	DC	xã Tường Thượng	H. Phú Yên	21° 10' 36"	104° 38' 20"							F-48-66-C-a
sước Chăn	TV	xã Tường Thượng	H. Phú Yên			21° 09' 41"	104° 36' 06"	21° 10' 10"	104° 37' 17"			F-48-66-C-a
bản Chăn 1	DC	xã Tường Thượng	H. Phú Yên	21° 10' 16"	104° 36' 55"							F-48-66-C-b
bản Chăn 2	DC	xã Tường Thượng	H. Phú Yên	21° 10' 28"	104° 37' 01"							F-48-66-C-b
bản Churop	DC	xã Tường Thượng	H. Phú Yên	21° 10' 26"	104° 37' 44"							F-48-66-C-b
núi Đông Bắc	SV	xã Tường Thượng	H. Phú Yên	21° 10' 34"	104° 37' 22"							F-48-66-C-a
núi Đông Hèo	SV	xã Tường Thượng	H. Phú Yên	21° 10' 54"	104° 37' 17"							F-48-66-C-a
Đồng La 1	DC	xã Tường Thượng	H. Phú Yên	21° 11' 11"	104° 38' 01"							F-48-66-C-b
Đồng La 2	DC	xã Tường Thượng	H. Phú Yên	21° 11' 07"	104° 38' 20"							F-48-66-C-a
bản Khoa 1	DC	xã Tường Thượng	H. Phú Yên	21° 10' 55"	104° 36' 55"							F-48-66-C-b
bản Khoa 2	DC	xã Tường Thượng	H. Phú Yên	21° 10' 54"	104° 36' 23"							F-48-66-C-a
bản Khoa 3	DC	xã Tường Thượng	H. Phú Yên	21° 11' 04"	104° 36' 40"							F-48-66-C-a
sước Tắc	TV	xã Tường Thượng	H. Phú Yên			21° 11' 36"	104° 37' 29"	21° 09' 53"	104° 37' 34"			F-48-66-C-a
bản Thon 1	DC	xã Tường Thượng	H. Phú Yên	21° 11' 34"	104° 37' 54"							F-48-66-C-a
bản Thon 2	DC	xã Tường Thượng	H. Phú Yên	21° 11' 32"	104° 38' 04"							F-48-66-C-b
quốc lộ 37	KX	xã Tường Tiến	H. Phú Yên			21° 07' 54"	104° 39' 08"	21° 07' 13"	104° 40' 25"			F-48-66-C-b, F-48-66-C-d
đường tỉnh 114	KX	xã Tường Tiến	H. Phú Yên			21° 10' 49"	104° 40' 10"	21° 07' 36"	104° 40' 37"			F-48-66-C-b
núi Bương	SV	xã Tường Tiến	H. Phú Yên	21° 06' 40"	104° 38' 28"							F-48-66-C-d
bản Co Pục	DC	xã Tường Tiến	H. Phú Yên	21° 07' 58"	104° 39' 20"							F-48-66-C-b
bản Cột Mốc	DC	xã Tường Tiến	H. Phú Yên	21° 10' 18"	104° 41' 56"							F-48-66-C-b
núi Hang Lai	SV	xã Tường Tiến	H. Phú Yên	21° 09' 37"	104° 39' 36"							F-48-66-C-b
bản Hua Nà	DC	xã Tường Tiến	H. Phú Yên	21° 07' 46"	104° 39' 34"							F-48-66-C-b
sước Lat	TV	xã Tường Tiến	H. Phú Yên			21° 10' 31"	104° 42' 06"	21° 10' 24"	104° 40' 31"			F-48-66-C-b
bản Pa	DC	xã Tường Tiến	H. Phú Yên	21° 07' 06"	104° 40' 02"							F-48-66-C-d
sước Pa	TV	xã Tường Tiến	H. Phú Yên			21° 06' 11"	104° 38' 39"	21° 07' 09"	104° 40' 05"			F-48-66-C-d
sước Pưng	TV	xã Tường Tiến	H. Phú Yên			21° 10' 24"	104° 40' 31"	21° 08' 44"	104° 40' 27"			F-48-66-C-b
bản Suối Pài	DC	xã Tường Tiến	H. Phú Yên	21° 11' 59"	104° 42' 18"							F-48-66-C-b
sước Tắc	TV	xã Tường Tiến	H. Phú Yên			21° 08' 08"	104° 39' 23"	21° 07' 30"	104° 40' 33"			F-48-66-C-b
bản Tắt	DC	xã Tường Tiến	H. Phú Yên	21° 08' 02"	104° 40' 13"							F-48-66-C-b
núi Thín	SV	xã Tường Tiến	H. Phú Yên	21° 09' 11"	104° 39' 53"							F-48-66-C-b
bản Thín 1	DC	xã Tường Tiến	H. Phú Yên	21° 09' 59"	104° 40' 15"							F-48-66-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)			
bản Thín 2 núi U Bò đường tỉnh 107 núi Búa Liễu bến Cà Nàng suối Cà Nàng bến Co Cù huối Cúp sông Đà núi Đán Hâu bến Giang Lò nặng Hình núi Huối Hàn núi Huối Pạ bến Huối Pha bến Huối Pho núi Huối Phương bến Huối Suông bến Ít Pháy nặng Lò núi Nà Sàng suối Nà Sàng bến Nậm Lò bến Pạ nậm Pạ bến Phát nậm Phay huối Pho bến Phương huối Súng núi Vai Luông đường tỉnh 107 bến Bung	DC	xã Tường Tiến	H. Phú Yên	21° 08' 54"	104° 40' 25"							F-48-66-C-b
	SV	xã Tường Tiến	H. Phú Yên	21° 10' 07"	104° 39' 28"							F-48-66-C-b
	KX	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai	21° 56' 51"	103° 31' 44"							F-48-52-A
	SV	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai	21° 55' 46"	103° 33' 00"							F-48-52-A
	DC	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai									F-48-52-A
	TV	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai	21° 52' 34"	103° 33' 54"			21° 59' 09"	103° 31' 56"	21° 52' 53"	103° 32' 51"	F-48-52-A
	DC	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai									F-48-52-A
	TV	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai					21° 59' 54"	103° 34' 13"	21° 59' 02"	103° 33' 31"	F-48-52-A
	TV	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai					21° 57' 22"	103° 30' 14"	21° 52' 15"	103° 33' 12"	F-48-52-A
	TV	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai									F-48-52-A
	SV	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai	21° 53' 46"	103° 33' 19"							F-48-52-A
	DC	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai	21° 53' 58"	103° 33' 44"							F-48-52-A
	TV	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai					21° 57' 17"	103° 33' 57"	21° 56' 47"	103° 32' 41"	F-48-52-A
	SV	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai	21° 57' 27"	103° 31' 48"							F-48-52-A
	SV	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai	21° 56' 01"	103° 36' 29"							F-48-52-A
	DC	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai	21° 58' 30"	103° 29' 51"							F-48-51-B
	DC	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai	21° 57' 59"	103° 30' 37"							F-48-52-A
	SV	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai	21° 56' 43"	103° 33' 17"							F-48-52-A
	DC	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai	21° 58' 09"	103° 32' 17"							F-48-52-A
	DC	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai	21° 59' 46"	103° 32' 51"							F-48-52-A
	TV	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai					21° 53' 52"	103° 35' 28"	21° 53' 47"	103° 33' 37"	F-48-52-A
	SV	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai	21° 53' 07"	103° 33' 41"							F-48-52-A
	TV	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai					21° 52' 49"	103° 33' 59"	21° 52' 29"	103° 33' 05"	F-48-52-A
	DC	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai	21° 52' 41"	103° 33' 51"							F-48-52-A
	DC	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai	21° 54' 30"	103° 33' 33"							F-48-52-A
	TV	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai					21° 55' 28"	103° 35' 39"	21° 54' 18"	103° 33' 32"	F-48-52-A
	DC	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai	21° 55' 17"	103° 33' 08"							F-48-52-A
	TV	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai					21° 55' 56"	103° 34' 24"	21° 55' 02"	103° 33' 10"	F-48-52-A
TV	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai					21° 58' 23"	103° 30' 46"	21° 57' 47"	103° 30' 10"	F-48-52-A	
TV	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai									F-48-52-A	
DC	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai	21° 56' 46"	103° 32' 47"							F-48-52-A	
TV	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai									F-48-52-A	
SV	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai	21° 54' 40"	103° 36' 21"							F-48-52-A	
KX	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai									F-48-52-C	
DC	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai	21° 38' 37"	103° 39' 29"							F-48-52-C	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Bung	TV	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai	21° 37' 17"	103° 40' 02"	21° 38' 57"	103° 39' 24"	21° 38' 32"	103° 39' 45"	F-48-52-C
bản Cán	DC	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai	21° 36' 35"	103° 40' 26"					F-48-52-C
bản Canh	DC	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai	21° 35' 04"	103° 40' 08"					F-48-52-C
bản Chạ	DC	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai							F-48-52-C
suối Chạy	TV	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai			21° 39' 17"	103° 41' 04"	21° 39' 45"	103° 40' 35"	F-48-52-C
suối Cọ	TV	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai			21° 36' 40"	103° 39' 40"	21° 37' 02"	103° 40' 07"	F-48-52-C
núi Dẩn	SV	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai	21° 37' 29"	103° 40' 14"					F-48-52-C
bản Đán Cán	DC	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai	21° 36' 43"	103° 39' 28"					F-48-52-C
suối Dồn	TV	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai							F-48-52-C
bản Én	DC	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai	21° 38' 48"	103° 39' 47"	21° 38' 14"	103° 39' 08"	21° 38' 15"	103° 39' 46"	F-48-52-C
suối Hà	TV	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai			21° 38' 31"	103° 41' 32"	21° 38' 57"	103° 40' 07"	F-48-52-C
núi Hộc Luông	SV	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai	21° 34' 53"	103° 40' 19"					F-48-52-C
suối Kềm	TV	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai	21° 37' 35"	103° 40' 01"	21° 38' 23"	103° 40' 55"	21° 38' 23"	103° 40' 01"	F-48-52-C
bản Khoan	DC	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai							F-48-52-C
huổi Lạ	TV	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai	21° 36' 59"	103° 38' 31"	21° 36' 27"	103° 39' 19"	21° 36' 03"	103° 40' 44"	F-48-52-C
núi Lán Cu	SV	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai	21° 39' 46"	103° 41' 13"					F-48-52-C
núi Lán Lanh	SV	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai	21° 35' 14"	103° 40' 29"					F-48-52-C
bản Lóng	DC	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai	21° 36' 34"	103° 39' 22"					F-48-52-C
bản Lọng Đán	DC	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai			21° 39' 50"	103° 37' 58"	21° 40' 04"	103° 38' 48"	F-48-52-C
suối Lu	TV	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai			21° 37' 50"	103° 39' 56"	21° 39' 50"	103° 40' 01"	F-48-52-C
suối Muội	TV	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai	21° 38' 48"	103° 41' 16"					F-48-52-C
bản Nà Huổi	DC	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai	21° 35' 29"	103° 39' 46"					F-48-52-C
suối Nà Pin	TV	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai	21° 38' 35"	103° 40' 18"					F-48-52-C
bản Ngáy	DC	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai			21° 39' 05"	103° 42' 15"	21° 39' 45"	103° 41' 55"	F-48-52-C
bản Phiềng Luông	DC	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai							F-48-52-C
suối Pín	TV	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai	21° 40' 04"	103° 38' 17"	21° 38' 15"	103° 40' 41"	21° 38' 20"	103° 39' 59"	F-48-52-C
bản Pom Sinh	DC	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai	21° 37' 20"	103° 39' 09"					F-48-52-C
núi Pù Khoan	SV	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai	21° 37' 53"	103° 40' 16"					F-48-52-C
núi Pú Niếu	SV	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai	21° 39' 16"	103° 38' 12"					F-48-52-C
bản Púa	DC	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai			21° 39' 00"	103° 38' 43"	21° 39' 30"	103° 39' 37"	F-48-52-C
suối Púa	TV	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai	21° 39' 18"	103° 37' 44"					F-48-52-C
núi Tang Mỏ	SV	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai	21° 35' 48"	103° 39' 25"					F-48-52-C
núi Thảm Hiêm	SV	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai							F-48-52-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Ún	DC	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai	21° 34' 19"	103° 41' 53"	21° 37' 36"	103° 39' 29"	21° 38' 01"	103° 39' 44"	F-48-52-C
súi Vía Cướn	TV	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai							F-48-52-C
bản Xe	DC	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai	21° 39' 07"	103° 38' 20"					F-48-52-C
núi Yên Ngựa	SV	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai	21° 39' 03"	103° 38' 01"					F-48-52-C
núi Cầm Hại	SV	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai	21° 56' 57"	103° 39' 39"					F-48-52-A
bản Có Luồng	DC	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai	21° 51' 08"	103° 40' 08"					F-48-52-A
bản Có Nọi	DC	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai	21° 50' 14"	103° 39' 15"					F-48-52-A
bản Co Que	DC	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai	21° 50' 56"	103° 41' 34"					F-48-52-A
núi Đông Phi Luồng	SV	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai	21° 54' 39"	103° 38' 07"					F-48-52-A
nằm Giôn	TV	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai			21° 50' 10"	103° 41' 01"	21° 49' 53"	103° 39' 23"	F-48-52-A
núi Huổi Tau	SV	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai	21° 56' 13"	103° 36' 05"					F-48-52-A
bản Ít Ta Bót	DC	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai	21° 52' 16"	103° 40' 35"					F-48-52-A
nằm Khăn	TV	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai			21° 56' 56"	103° 37' 24"	21° 58' 40"	103° 39' 26"	F-48-52-A
bản Khâu Pùm	DC	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai	21° 50' 01"	103° 40' 51"					F-48-52-A
bản Lọng Ó	DC	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai	21° 51' 05"	103° 39' 05"					F-48-52-A
bản Nà Mùn	DC	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai	21° 56' 41"	103° 37' 35"					F-48-52-A
bản Nậm Ngựa	DC	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai	21° 54' 08"	103° 39' 56"					F-48-52-A
núi Nậm Ngựa	SV	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai	21° 56' 39"	103° 40' 12"					F-48-52-A
bản Nậm Tầu	DC	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai	21° 52' 25"	103° 42' 31"					F-48-52-A
núi Nậm Tong	SV	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai	21° 53' 16"	103° 42' 01"					F-48-52-A
nằm Ngựa	TV	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai							F-48-52-A
nằm Pắt	TV	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai							F-48-52-A
núi Pha Mỏ	SV	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai	21° 59' 34"	103° 38' 59"					F-48-52-A
bản Phiêng Bay	DC	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai	21° 52' 42"	103° 39' 22"					F-48-52-A
huổi Tau	TV	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai			21° 58' 09"	103° 36' 31"	21° 57' 20"	103° 36' 43"	F-48-52-A
bản Ca	DC	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 32' 56"	103° 41' 29"					F-48-52-C
bản Cang	DC	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 42"	103° 41' 30"					F-48-52-C
núi Có	SV	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 00"	103° 40' 55"					F-48-52-C
núi Co Bả	SV	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 32' 11"	103° 42' 27"					F-48-52-C
bản Đông	DC	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 52"	103° 40' 49"					F-48-52-C
bản Hán A	DC	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 34' 02"	103° 41' 45"					F-48-52-C
bản Hán B	DC	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 51"	103° 41' 42"					F-48-52-C
bản Hậu	DC	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 20"	103° 41' 03"					F-48-52-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)			
bản He	DC	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 34' 22"	103° 40' 54"						F-48-52-C	
bản Hua Lý	DC	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 44"	103° 38' 22"						F-48-52-C	
bản Hua Mường	DC	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 28"	103° 41' 15"						F-48-52-C	
núi Khau Tú	SV	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 32' 41"	103° 39' 26"						F-48-52-C	
bản Khoang	DC	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 37"	103° 41' 10"						F-48-52-C	
núi Lả Cầm	SV	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 32' 56"	103° 39' 17"						F-48-52-C	
núi Lả Lóm	SV	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 35' 14"	103° 38' 08"						F-48-52-C	
núi Lóm Púa	SV	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 31"	103° 38' 46"						F-48-52-C	
bản Lý	DC	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 54"	103° 38' 45"						F-48-52-C	
bản Nà Hy	DC	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 34' 38"	103° 40' 27"						F-48-52-C	
bản Nà Pát	DC	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 32' 42"	103° 41' 49"						F-48-52-C	
núi Nậm Mạy	SV	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 32' 36"	103° 40' 30"						F-48-52-C	
bản Nang Cầu	DC	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 53"	103° 41' 06"						F-48-52-C	
núi Pha Chiến	SV	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 35' 11"	103° 38' 47"						F-48-52-C	
bản Phiêng Tầu	DC	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 22"	103° 39' 31"						F-48-52-C	
núi Pom Bó	SV	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 32' 32"	103° 43' 20"						F-48-52-C	
núi Pom Diến	SV	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 32' 22"	103° 39' 41"						F-48-52-C	
núi Pú Hừa	SV	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 10"	103° 41' 45"						F-48-52-C	
núi Pú Lầu	SV	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 32' 53"	103° 40' 10"						F-48-52-C	
bản Sần	DC	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 34' 04"	103° 38' 04"						F-48-52-C	
nậm Sần	TV	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai			21° 34' 09"	103° 38' 07"	21° 33' 25"	103° 39' 27"		F-48-52-C	
quốc lộ 279	KX	xã Chiềng Ớn	H. Quỳnh Nhai			21° 43' 29"	103° 37' 36"	21° 40' 25"	103° 37' 24"		F-48-52-C	
bản Ái	DC	xã Chiềng Ớn	H. Quỳnh Nhai	21° 43' 15"	103° 37' 12"						F-48-52-C	
suối Bàng	TV	xã Chiềng Ớn	H. Quỳnh Nhai			21° 39' 02"	103° 46' 30"	21° 38' 26"	103° 45' 38"		F-48-52-C	
núi Bông Ngựa	SV	xã Chiềng Ớn	H. Quỳnh Nhai	21° 42' 45"	103° 41' 20"						F-48-52-C	
sông Đà	TV	xã Chiềng Ớn	H. Quỳnh Nhai			21° 44' 20"	103° 35' 18"	21° 34' 14"	103° 48' 19"		F-48-52-C	
núi Đá Mai	SV	xã Chiềng Ớn	H. Quỳnh Nhai	21° 44' 35"	103° 36' 49"						F-48-52-C	
núi Đá Đỏ	SV	xã Chiềng Ớn	H. Quỳnh Nhai	21° 43' 02"	103° 40' 01"						F-48-52-C	
huổi Đường	SV	xã Chiềng Ớn	H. Quỳnh Nhai	21° 39' 55"	103° 45' 47"						F-48-52-D	
bản Hát Củ	DC	xã Chiềng Ớn	H. Quỳnh Nhai	21° 42' 01"	103° 38' 21"						F-48-52-C	
bản Hát Lay	DC	xã Chiềng Ớn	H. Quỳnh Nhai	21° 42' 36"	103° 37' 48"						F-48-52-C	
bản Kéo Pịa	DC	xã Chiềng Ớn	H. Quỳnh Nhai	21° 42' 15"	103° 38' 03"						F-48-52-C	
suối Khinh	TV	xã Chiềng Ớn	H. Quỳnh Nhai			21° 41' 13"	103° 42' 17"	21° 39' 54"	103° 42' 41"		F-48-52-C	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)			
bản Léch	DC	xã Chiềng Ôn	H. Quỳnh Nhai	21° 43' 42"	103° 36' 10"							F-48-52-C
núi Loong Lầu	SV	xã Chiềng Ôn	H. Quỳnh Nhai	21° 41' 52"	103° 39' 36"							F-48-52-C
huổi Mía	TV	xã Chiềng Ôn	H. Quỳnh Nhai			21° 42' 28"	103° 40' 40"	21° 40' 11"	103° 40' 57"			F-48-52-C
suối Miêu	TV	xã Chiềng Ôn	H. Quỳnh Nhai			21° 37' 08"	103° 47' 43"	21° 36' 57"	103° 46' 26"			F-48-52-C
núi Nam Pang	SV	xã Chiềng Ôn	H. Quỳnh Nhai	21° 38' 48"	103° 47' 42"							F-48-52-D
bản Nặm Uôn	DC	xã Chiềng Ôn	H. Quỳnh Nhai	21° 42' 13"	103° 37' 32"							F-48-52-C
núi Tát Ái	SV	xã Chiềng Ôn	H. Quỳnh Nhai	21° 43' 51"	103° 36' 53"							F-48-52-C
bản Vạn Pán	DC	xã Chiềng Ôn	H. Quỳnh Nhai	21° 41' 01"	103° 39' 55"							F-48-52-C
suối Xe	TV	xã Chiềng Ôn	H. Quỳnh Nhai			21° 42' 13"	103° 39' 40"	21° 41' 04"	103° 38' 33"			F-48-52-C
bản Xe Ngoài	DC	xã Chiềng Ôn	H. Quỳnh Nhai	21° 40' 29"	103° 38' 51"							F-48-52-C
bản Xe Trong	DC	xã Chiềng Ôn	H. Quỳnh Nhai	21° 41' 18"	103° 38' 33"							F-48-52-C
bản Bon	DC	xã Mường Chiên	H. Quỳnh Nhai	21° 51' 25"	103° 34' 59"							F-48-52-A
núi Đán Cầu	SV	xã Mường Chiên	H. Quỳnh Nhai	21° 53' 03"	103° 35' 33"							F-48-52-A
núi Đán Luống	SV	xã Mường Chiên	H. Quỳnh Nhai	21° 50' 56"	103° 35' 41"							F-48-52-A
bản Hé	DC	xã Mường Chiên	H. Quỳnh Nhai	21° 50' 00"	103° 35' 04"							F-48-52-A
núi Hua Huổi Nặm	SV	xã Mường Chiên	H. Quỳnh Nhai	21° 50' 39"	103° 38' 48"							F-48-52-A
núi Huổi Mu Lóng	SV	xã Mường Chiên	H. Quỳnh Nhai	21° 50' 19"	103° 38' 53"							F-48-52-A
suối Nặm Chiên	TV	xã Mường Chiên	H. Quỳnh Nhai			21° 50' 21"	103° 34' 34"	21° 50' 21"	103° 33' 30"			F-48-52-A
suối Nặm Nghi	TV	xã Mường Chiên	H. Quỳnh Nhai			21° 50' 12"	103° 37' 14"	21° 50' 21"	103° 34' 34"			F-48-52-A
núi Nặm Sắt	SV	xã Mường Chiên	H. Quỳnh Nhai	21° 52' 46"	103° 34' 48"							F-48-52-A
suối Nặm Sắt	TV	xã Mường Chiên	H. Quỳnh Nhai			21° 53' 01"	103° 35' 52"	21° 52' 10"	103° 34' 43"			F-48-52-A
bản Quyền	DC	xã Mường Chiên	H. Quỳnh Nhai	21° 51' 40"	103° 34' 37"							F-48-52-A
núi Tào Thạch	SV	xã Mường Chiên	H. Quỳnh Nhai	21° 52' 41"	103° 34' 24"							F-48-52-A
núi Tùng Chắt	SV	xã Mường Chiên	H. Quỳnh Nhai	21° 52' 32"	103° 33' 59"							F-48-52-A
bản Tùng Tầu	DC	xã Mường Chiên	H. Quỳnh Nhai	21° 49' 46"	103° 35' 25"							F-48-52-A
đường tỉnh 107	KX	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai			21° 40' 25"	103° 37' 24"	21° 37' 50"	103° 38' 20"			F-48-52-C
bản Ái	DC	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 40' 27"	103° 34' 44"							F-48-52-C
bản Bung	DC	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 38' 55"	103° 37' 36"							F-48-52-C
núi Chúng Cua	SV	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 37' 27"	103° 35' 01"							F-48-52-C
huổi Có	TV	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai			21° 38' 59"	103° 35' 31"	21° 39' 20"	103° 36' 10"			F-48-52-C
bản Co Chai	DC	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 39' 46"	103° 36' 46"							F-48-52-C
bản Co Phát	DC	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 39' 00"	103° 36' 10"							F-48-52-C
bản Co Sắn	DC	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 39' 33"	103° 36' 36"							F-48-52-C